



Bản tin

THÔNG TIN

Khoa học & Công nghệ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG - 35 TRẦN HƯNG ĐẠO - ĐÀ LẠT - ĐT: 063.3821377

Số 3-2009 (65)

LỄ KHAI MẠC  
CHỢ CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ VIỆT NAM ASEAN

OPENING CEREMONY  
TECHMART  
VIETNAM-ASEAN



- Vấn đề năng suất và chất lượng
- Tiêu chuẩn ISO 22000 - Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm
- Áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính
- Sản xuất nông sản có chứng nhận - Yêu cầu tất yếu của quá trình hội nhập WTO



# Thông tin Khoa học & Công nghệ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

Số 3.2009

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

NGUYỄN MINH TÂM

*Biên tập:*

NGÔ ĐÌNH VĂN CHÂU

NGUYỄN THỊ THANH NHÀN

*Trình bày:*

NGUYỄN HỮU THANH TUỆ

*Ảnh bìa 1:*

*Lễ Khai mạc Chợ Công nghệ và  
Thiết bị Việt Nam Asean + 3*

## TRONG SỐ NÀY

- 1 **Nguyễn Minh Tâm** - Vấn đề năng suất và chất lượng
- 4 **Phạm S** - Sản xuất nông sản có chứng nhận - Yêu cầu tất yếu của quá trình hội nhập WTO
- 5 **Vương Lập Bình** - Áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính
- 9 **Lê Đức Thọ** - Vai trò của năng suất trong phát triển và hội nhập kinh tế
- 11 **Nguyễn Viết Thùy** - Nuôi cá tầm ở Lâm Đồng
- 13 **Phạm Phan Hạnh Dung** - Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính từ những chuyện nhỏ
- 15 **Phạm Thị Nhâm** - Tiêu chuẩn ISO 22000 - hệ thống quản lý an toàn thực phẩm
- 17 **Doãn Thị Mỹ Dung** - Nâng cao uy tín thương hiệu bằng chất lượng
- 19 **Đình Văn Long** - Kinh tế tập thể trong cơ chế thị trường và hội nhập
- 21 Công nghệ cần bán
- 22 **Trần Thị Kim Duyên** - Quản lý chất lượng giống cây trồng ở Lâm Đồng
- 24 Kết quả bình tuyển cây bơ đầu dòng tại Lâm Đồng
- 27 **Vương Chí Hùng** - Đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc tại Lâm Đồng
- 31 **Nguyễn Hữu Tranh** - Đi tìm tư liệu về Đà Lạt

 **THÔNG TIN  
Khoa học & Công nghệ**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG - 01 TRẦN HƯNG ĐẠO - ĐÀ LẠT - ĐT: 063.3821371



- Vấn đề năng suất và chất lượng
- Tiêu chuẩn ISO 22000 - Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm
- Áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính
- Sản xuất nông sản có chứng nhận là yêu cầu tất yếu của quá trình hội nhập WTO

Giấy phép xuất bản số 10/GPXB-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Lâm Đồng cấp ngày 25.5.2009.

Sắp chữ tại Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng. In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt. Số lượng: 700 bản. In xong và nộp lưu chiểu tháng 11.2009



## VẤN ĐỀ NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG

**NGUYỄN MINH TÂM**  
Sở Khoa học và Công nghệ

Gần đây, năng suất và vai trò quyết định năng lực cạnh tranh của nó với doanh nghiệp, ngành kinh tế, quốc gia hay vùng lãnh thổ thường được nhắc đến. Không phải đến bây giờ năng suất mới được nhìn nhận như là yếu tố quan trọng nhất của sản xuất và phát triển. Theo Mác, “*năng suất lao động là nhân tố quyết định sự thắng lợi của chế độ xã hội*”. Tuy nhiên, nhận thức về năng suất luôn có những thay đổi cùng với sự phát triển của xã hội, nhất là trong điều kiện toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức đang diễn ra nhanh chóng. Nhận thức đúng về năng suất có thể cho ta một cách thức phát triển hoạt động sản xuất và cạnh tranh tốt hơn.

### Tiếp cận mới về năng suất

Trước đây, năng suất thường được hiểu thuần túy là sản lượng vật chất được tạo ra. Theo *Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam 2006*, “*năng suất: lượng vật chất tính theo thể tích, khối lượng hoặc số sản phẩm,... tạo ra được trong một đơn vị thời gian. Trong kinh tế, năng suất còn là sản lượng tính cho mỗi yếu tố (nhân công, nguyên liệu, năng lượng, tiền vốn bỏ vào sản xuất), đặc biệt năng suất lao động là yếu tố quan trọng nhất*”. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường thì cách hiểu năng suất như vậy mới chỉ phản ánh quan hệ của các yếu tố tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và có phần tách rời với sự vận động của thị trường, điều rất quan trọng quyết định số phận của mỗi doanh nghiệp.

Ngày nay, phạm trù năng suất có nhiều cách tiếp cận khác nhau, nhằm phản ánh năng lực sản xuất và kinh doanh trong bối cảnh thị trường đang phát triển. Một số khái niệm về năng suất có thể dẫn ra là:

- Năng suất là mối liên hệ giữa đầu ra với

số lượng nguồn lực hay đầu vào như lao động, vật liệu, máy móc, năng lượng... dùng để sản xuất (*APO - Tổ chức Năng suất châu Á*).

- Năng suất là tỷ số giữa đầu ra với tổng các yếu tố đầu vào. Năng suất là kết quả cuối cùng của quá trình phức tạp gồm: khoa học, nghiên cứu và phát triển, giáo dục, công nghệ, năng lực sản xuất và tổ chức lao động (*ILO - Tổ chức Lao động Thế giới*).

- Năng suất là đại lượng đo bằng tỷ số giữa đầu ra và đầu vào, nhưng đầu ra luôn được đo bằng giá trị tăng thêm (*JPC - Trung tâm Năng suất Nhật Bản*).

Như vậy, có thể coi năng suất là mối quan hệ tỷ số giữa đầu ra có ích với đầu vào được sử dụng, nó phản ánh năng lực tạo ra của cái, hay hiệu suất của lao động cụ thể trong quá trình sản xuất, đo lượng giá trị sử dụng (hay lượng giá trị) được tạo ra trong một đơn vị thời gian, hay đo bằng lượng thời gian lao động hao phí để sản xuất ra một đơn vị thành phẩm. Giá trị đầu ra thường quy về tiền và chi tính phần gia tăng, nên nếu so với cách hiểu trước đây ở nước ta thì khái niệm này được coi như là hiệu suất của sản xuất với giá trị đầu ra và đầu vào được đo ở đây được tính theo thị trường.

Năng suất giờ đây không chỉ phản ánh các quan hệ bên trong của quá trình sản xuất mà còn được gắn với vấn đề thị trường, việc thỏa mãn nhu cầu khách hàng và các yêu cầu về trách nhiệm xã hội. Mặt khác, theo nghĩa rộng, nhu cầu khách hàng được hiểu như là chất lượng. Năng suất trong doanh nghiệp có thể coi là một quá trình với đầu vào là khả năng sáng tạo và đầu ra là sự thỏa mãn khách hàng. Quá trình này chịu tác động của nhiều yếu tố như lượng đầu ra, tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa các nguồn lực, kỹ năng người lao động, thời hạn



giao hàng, cam kết chất lượng định hướng vào khách hàng, quản lý nguồn nhân lực để tạo môi trường làm việc năng động và hài hòa, quá trình nâng cao chất lượng của dịch vụ khách hàng.

Không chỉ trên bình diện phát triển khu vực hay vùng lãnh thổ, mà ngay sự phát triển của mỗi doanh nghiệp các yêu cầu về phát triển bền vững như tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống xã hội ngày càng trở nên cấp thiết. Việc chiếm lĩnh thị trường, theo đó là giá trị đầu ra của sản xuất chắc chắn phụ thuộc việc doanh nghiệp có thể thỏa mãn được các yêu cầu của xã hội đặt ra.

Năng suất nói chung được quyết định bởi nhiều nhân tố như trình độ thành thạo của người lao động, trình độ phát triển khoa học và áp dụng công nghệ, sự kết hợp xã hội của quá trình sản xuất, quy mô và tính hiệu quả của các tư liệu sản xuất,... Nhưng trong bối cảnh kinh tế tri thức hiện nay, các vấn đề kỹ thuật, công nghệ mới, tổ chức sản xuất, quản lý đổi mới mang ý nghĩa nổi bật trong quá trình tăng năng suất.

### **Đo lường năng suất**

Nghiên cứu đo lường năng suất là việc cần thiết đầu tiên để cải tiến năng suất. Hai phương pháp được khuyến khích áp dụng hiện nay là đo lường chỉ tiêu năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) và phương pháp RAPMODS.

Sự biến động TFP được sử dụng đầu tiên vào năm 1957 nhằm phản ánh sự thay đổi công nghệ và giải thích sự tăng trưởng kinh tế. TFP phản ánh hiệu quả sử dụng các nguồn lực vào sản xuất, sự thay đổi công nghệ, trình độ lành nghề của công nhân, trình độ quản lý,... TFP được định nghĩa như tỷ số giữa tổng các đầu ra với tổng giá trị có trọng số của các đầu vào. Nếu giả định hàm sản xuất chỉ tính đến hai yếu tố vốn và lao động, thì tốc độ tăng của kết quả sản xuất bằng tổng tốc độ tăng của TFP và tốc độ tăng bình quân của vốn và lao động.

Tuy nhiên, TFP mới chỉ phản ánh một cách khái quát về năng suất và chỉ số tốc độ tăng TFP của từng năm đôi khi chưa phản ánh chính xác được thực chất vì có độ trễ khi đầu tư vốn, lao động, vì vậy, nên tính chỉ số này trong khoảng thời gian trung bình 5 năm. Mặc

dù vậy, cần áp dụng thống nhất phương pháp đo lường TFP của nền kinh tế, ngành kinh tế kỹ thuật và doanh nghiệp để có thể so sánh, phân tích và đánh giá giữa các doanh nghiệp, các ngành và các nền kinh tế nhằm định hướng mục tiêu, chiến lược cải tiến năng suất vì mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh của mình.

Phương pháp RAPMODS do tiến sĩ Melkote R. Ramsay, Chủ tịch Hiệp hội nghiên cứu và đào tạo năng suất quốc tế, chuyên gia APO giới thiệu từ năm 1974 và đã được áp dụng ở nhiều nước. Hệ thống RAPMODS cung cấp cách tiếp cận để đáp ứng nhu cầu đo lường năng suất và dự thảo ngân sách tài chính kết hợp với những mục tiêu năng suất được hoạch định để cải tiến năng suất của doanh nghiệp.

Hệ thống RAPMODS gồm 2 nhóm chỉ tiêu: nhóm chỉ tiêu năng suất bộ phận (năng suất tiền công, tiền lương, máy móc,...) và nhóm chỉ tiêu năng suất tổng hợp (TPM, lợi nhuận, % lợi nhuận, giá trị gia tăng, năng suất hệ thống,...). Hệ thống có công thức tính toán các chỉ tiêu năng suất, cũng như các công thức tính toán tương đương, thể hiện mối quan hệ của những yếu tố thành phần (của đầu vào và đầu ra). Do đó, khi thay đổi bất kỳ một yếu tố nào, ta có thể dự báo được thay đổi của các yếu tố còn lại, cũng như kiểm soát được dự thảo mục tiêu và thực tế thực hiện.

Việc tính toán năng suất theo các phương pháp mới ở nước ta còn hạn chế trong cả kinh tế vĩ mô cũng như trong mỗi doanh nghiệp. Năm 2004, Tổng cục Thống kê thực hiện nghiên cứu tính tốc độ tăng TFP của công nghiệp Việt Nam giai đoạn 1991-2003. Trong doanh nghiệp, từ năm 2006, Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện nghiên cứu tính toán TFP và năng suất theo hệ thống RAPMODS. Khuyến cáo được đưa ra từ các nghiên cứu này là sự quan tâm đến đo lường năng suất theo cách tiếp cận mới và có một hệ thống thống kê các tham số liên quan là rất quan trọng.

### **Chương trình năng suất và chất lượng**

Trong điều kiện Việt Nam đã gia nhập WTO, việc các doanh nghiệp đang tích cực áp dụng nhiều hệ thống quản lý tiên tiến như ISO 9000, ISO 14000, HACCP, ISO 22000, SA 8000,...



không chỉ nhằm đáp ứng quy định của các thị trường mà còn để nâng chất lượng, thực hiện trách nhiệm xã hội và môi trường. Thông qua đó, các doanh nghiệp có thể nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh để duy trì và mở rộng thị trường.

Từ những năm 1996, phong trào năng suất chất lượng đã được phát động tại Hội nghị chất lượng Việt Nam lần thứ nhất. Phong trào đã định hướng cho nhiều doanh nghiệp tiếp cận với các nội dung rộng lớn của việc tăng năng suất, chất lượng trong cơ chế thị trường với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Hiện nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đang dự thảo đề trình Chính phủ “Chương trình quốc gia về thúc đẩy năng suất và chất lượng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn đến 2020”.

Các nội dung chủ yếu của chương trình là thúc đẩy đổi mới công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới tạo ra sản phẩm mới, thỏa mãn nhu cầu thị trường, áp dụng các phương thức quản lý tiên tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, tiếp cận quản lý tri thức,...

Như hầu hết các địa phương trong cả nước, từ năm 1996, Lâm Đồng đã có nhiều hoạt động hưởng ứng phong trào này. Nhiều hội nghị, hội thảo về năng suất chất lượng được tổ chức nhằm nâng cao nhận thức của lãnh đạo và doanh nghiệp. Đặc biệt là các hội thảo chuyên đề về ứng dụng các hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế đã thu hút được sự quan tâm của nhiều doanh nghiệp. Trong những năm qua đã có nhiều nghiên cứu áp dụng thử hệ thống quản lý chất lượng thích hợp vào các doanh nghiệp trong tỉnh.

Trong kế hoạch khoa học công nghệ 5 năm 2001-2005, một trong 11 chương trình về khoa học công nghệ là chương trình khoa học quản lý nhằm hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các phương thức quản lý tiên tiến. Đặc biệt từ năm 2006, UBND tỉnh đã phê duyệt “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn

2006-2010”. Thực hiện chương trình này hàng năm, ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh dành khoảng trên dưới 2 tỷ đồng để hỗ trợ các hoạt động đổi mới công nghệ, nghiên cứu tiết kiệm năng lượng, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng ISO 9001, HACCP, xây dựng thương hiệu, phát triển tài sản trí tuệ... Mặc dù không được gọi là chương trình năng suất chất lượng, song nó đã cơ bản mang các nội dung của chương trình năng suất chung. Tuy nhiên, một nội dung quan trọng là đo lường và quản lý năng suất còn chưa được đề cập.

Trong giai đoạn tới năm 2020, thực hiện định hướng như Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X khẳng định “đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong từng ngành, từng lĩnh vực của nền kinh tế”, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học công nghệ của tỉnh cần toàn diện hơn nhằm mục đích nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong tỉnh. Ngoài việc nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện các nội dung chương trình đã có trước đây, việc bổ sung các nội dung chuyên sâu về năng suất là rất cần thiết. Các nội dung cần thiết tập trung vào là tuyên truyền nâng cao nhận thức về cách tiếp cận mới về năng suất, vai trò năng suất và chất lượng; vấn đề đo lường, quản lý và cải tiến năng suất trong doanh nghiệp; đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ thủ tục kỹ thuật giúp doanh nghiệp tiếp cận được chương trình, đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ và vừa. ■

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tăng Văn Khiên. *Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp của công nghiệp Việt Nam giai đoạn 1991-2003*. Thông tin khoa học thống kê số 2/2005.

Nguyễn Đình Phan. *Cách tiếp cận mới về năng suất và việc ứng dụng vào Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

Trịnh Minh Tâm. *Báo cáo kết quả đề tài: “Xây dựng và áp dụng phương pháp đo lường năng suất tại một số doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”*, 2009.



## SẢN XUẤT NÔNG SẢN CÓ CHỨNG NHẬN YÊU CẦU TẤT YẾU CỦA QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP WTO

**TS. PHẠM S**

*Sở Khoa học và Công nghệ*

**L**à tỉnh có thế mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, tuy nhiên tỷ trọng xuất khẩu nông sản của Lâm Đồng chưa tương xứng với tiềm năng (giá trị xuất khẩu nông sản năm 2008 đạt trên 200 triệu USD). Do vậy, việc định hướng tổ chức sản xuất nông sản có chứng nhận là yêu cầu tất yếu trong sản xuất nông nghiệp thời hội nhập WTO. Muốn thực hiện được vấn đề này, cần phải tiến hành toàn diện cả hai mặt, đó là đào tạo nguồn nhân lực và tổ chức quản lý sản xuất nông sản có chứng nhận.

Trong thời gian qua, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng đã tập trung vào công tác đào tạo nguồn nhân lực nhằm giúp cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, các doanh nghiệp và trang trại những kiến thức sản xuất nông sản có chứng nhận và sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao. Ngành đã chú trọng đào tạo nâng cao nhận thức về WTO, vệ sinh an toàn thực phẩm và thực hành nông nghiệp tốt (GAP) cho cán bộ công chức. Bên cạnh đó, ngành đã chủ động cử cán bộ tham gia nhiều khóa tập huấn do các tổ chức quốc tế về kiến thức WTO, đặc biệt là việc tuân thủ các hiệp định TBT và SPS. Kết thúc các khóa tập huấn, những báo cáo viên này sẽ truyền đạt lại kiến thức cho đội ngũ cán bộ công chức trong ngành và các doanh nghiệp, nông dân sản xuất để họ hiểu rõ hơn các thông lệ quốc tế. Ngành cũng đã cử một số cán bộ và doanh nghiệp tham gia các khóa huấn luyện về an toàn vệ sinh thực phẩm, khóa đào tạo theo tiêu chuẩn Global GAP. Kết quả đã có 10 cán bộ được tổ chức Thương mại rau quả Đức cấp chứng nhận; 1 cán bộ được FAO cấp chứng nhận; 15 cán bộ tham gia khóa huấn luyện về ASEANGAP; 32 cán bộ và chủ nhiệm hợp tác xã tham gia

khóa đào tạo GAP, GMPs và HACCP do tổ chức CIDA - Canada tổ chức; 38 công chức và cán bộ kỹ thuật được cấp giấy chứng nhận về sản xuất cà phê bền vững do tổ chức chứng nhận cà phê toàn cầu - UTZ Certified cấp; 115 người được cấp giấy chứng nhận về sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao.

Song song với việc đào tạo nguồn nhân lực, trên cơ sở quản lý nhà nước về vấn đề chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn Lâm Đồng còn tập trung chỉ đạo sản xuất theo hướng an toàn và VietGap, đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng quốc tế thẩm định một số mặt hàng nông sản có thế mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận nông sản theo tiêu chuẩn quốc tế. Hiện nay, toàn tỉnh có 2 chứng nhận cà phê đạt tiêu chuẩn 4C và UTZ Certified; 2 chứng nhận Orgarnik trên chè và rau; 2 chứng nhận tiêu chuẩn HACCP trên rau; 4 giấy chứng nhận Global GAP và hiện đang hoàn tất thủ tục để cấp 2 chứng nhận Global GAP trên rau và chè. Song song với các chứng nhận quốc tế, việc sản xuất nông sản có chứng nhận cũng được các tổ chức và cá nhân ngày càng quan tâm hơn. Hiện có 22 chứng nhận rau an toàn, 3 chứng nhận chè an toàn, 42 chứng nhận rau theo tiêu chuẩn VietGap, 2 chứng nhận hàng nông sản chất lượng cao và uy tín thương mại.

Thông qua những giấy chứng nhận quốc tế và quốc gia đã góp phần cho nông sản Lâm Đồng có cơ hội tốt trong việc tăng uy tín thương mại, tăng khả năng cạnh tranh tham gia thị trường quốc tế và khu vực. Và điều đó cũng đưa Lâm Đồng trở thành một trong những địa phương đi đầu cả nước về chủng loại nông sản được sản xuất có chứng nhận. ■



## ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2008 TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH

**TSKH. VƯƠNG LẬP BÌNH**

Tổng giám đốc nhóm Công ty tư vấn quản lý IQC – IMCC và ISO Corporation

### Áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 tại Lâm Đồng

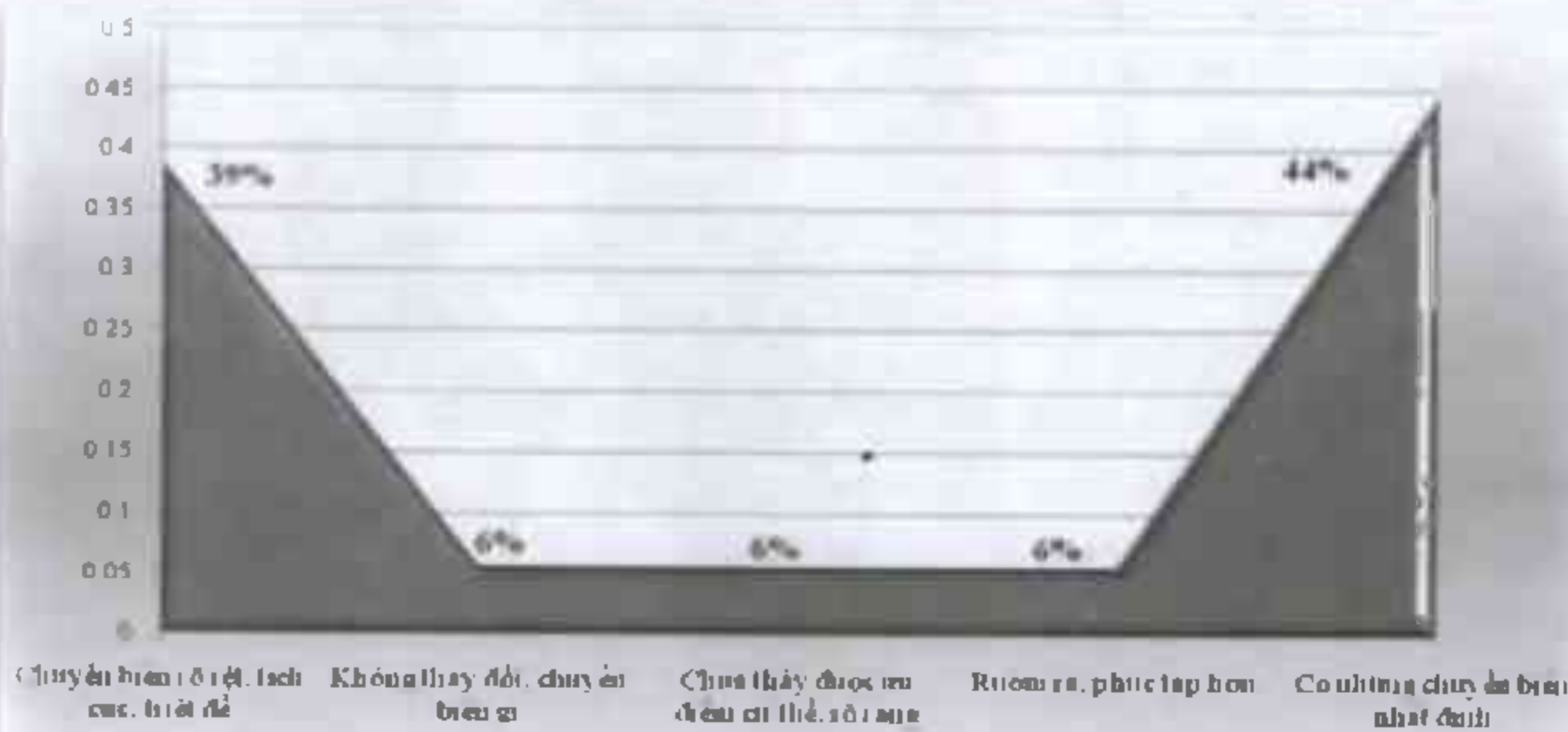
Ngày 15/11/2008, Tổ chức Quốc tế về Tiêu chuẩn hóa (*International Organization for Standardization*) đã ban hành tiêu chuẩn ISO 9001:2008 (phiên bản năm 2008); ngày 08/5/2009, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản số 1043/BKHCN-TĐC về việc yêu cầu các cơ quan hành chính chuyển đổi áp dụng TCVN ISO 9001 phiên bản năm 2008 và ngày 03/7/2009, UBND tỉnh Lâm Đồng ra văn bản số 4701/UBND-VX về việc yêu cầu các cơ quan hành chính áp dụng TCVN ISO 9001:2008 (dưới đây gọi tắt là ISO).

Về cơ bản, TCVN ISO 9001 phiên bản năm 2008 không đưa thêm những yêu cầu, điều khoản mới cũng như không thay đổi phương pháp luận và cách tiếp cận đối với hệ thống quản lý chất lượng mà chỉ làm rõ thêm, chi tiết hơn những điều khoản hiện hành của TCVN ISO 9001:2000. Bên cạnh nhiều điểm chi tiết đã được làm rõ thêm trong phiên bản 2008, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh đến khả năng “tích hợp” của tiêu chuẩn này trong bối cảnh chung của việc áp dụng ISO trên toàn tỉnh Lâm Đồng.

Sau hơn ba năm triển khai thực hiện Quyết định 144/2006/QĐ TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 1119/QĐ-UBND ngày 11/4/2007 của

UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt danh sách các đơn vị quản lý hành chính triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2007-2010 vào hoạt động của các cơ quan đơn vị hành chính, đã tạo những chuyển biến tích cực trong việc cải cách thủ tục hành chính, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội; bước đầu tạo dựng được một hình ảnh mới trong mắt của người dân đối với các cơ quan hành chính của tỉnh.

Kết quả khảo sát gần đây nhất của chúng tôi từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2009 đối với các cơ quan hành chính đã và đang áp dụng ISO trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, với 165 phiếu khảo sát thu về cho thấy hơn 80% cán bộ công chức cho rằng sau khi áp dụng ISO, công tác cải cách hành chính của cơ quan đã có những chuyển biến rõ rệt và tích cực. Đây có thể coi là một tín hiệu tốt để tỉnh Lâm Đồng tiếp tục duy trì, mở rộng áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến này.



Hình 1: Những chuyển biến tích cực trong công tác cải cách hành chính



Khi được hỏi về mục đích của việc áp dụng ISO, đa số ý kiến đều đồng thuận với quan điểm rằng áp dụng ISO:

- Giúp người đứng đầu cơ quan hành chính kiểm soát được các kết quả tiến độ giải quyết công việc trong nội bộ của cơ quan;
- Nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác quản lý của cơ quan, phục vụ cải cách hành chính;
- Tạo cơ sở để xây dựng một nền hành chính văn minh, hiện đại, công khai, minh bạch;
- Là công cụ hữu hiệu để hỗ trợ chương trình cải cách hành chính của các cơ quan;
- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - kỹ thuật của địa phương;
- Đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới.

Đa số ý kiến khảo sát của cán bộ công chức đều đồng thuận với những lợi ích do việc áp dụng ISO mang lại đối với cơ quan hành chính. Gần 46% trong số họ cho rằng làm theo "ISO" đã trở thành nếp suy nghĩ của họ.

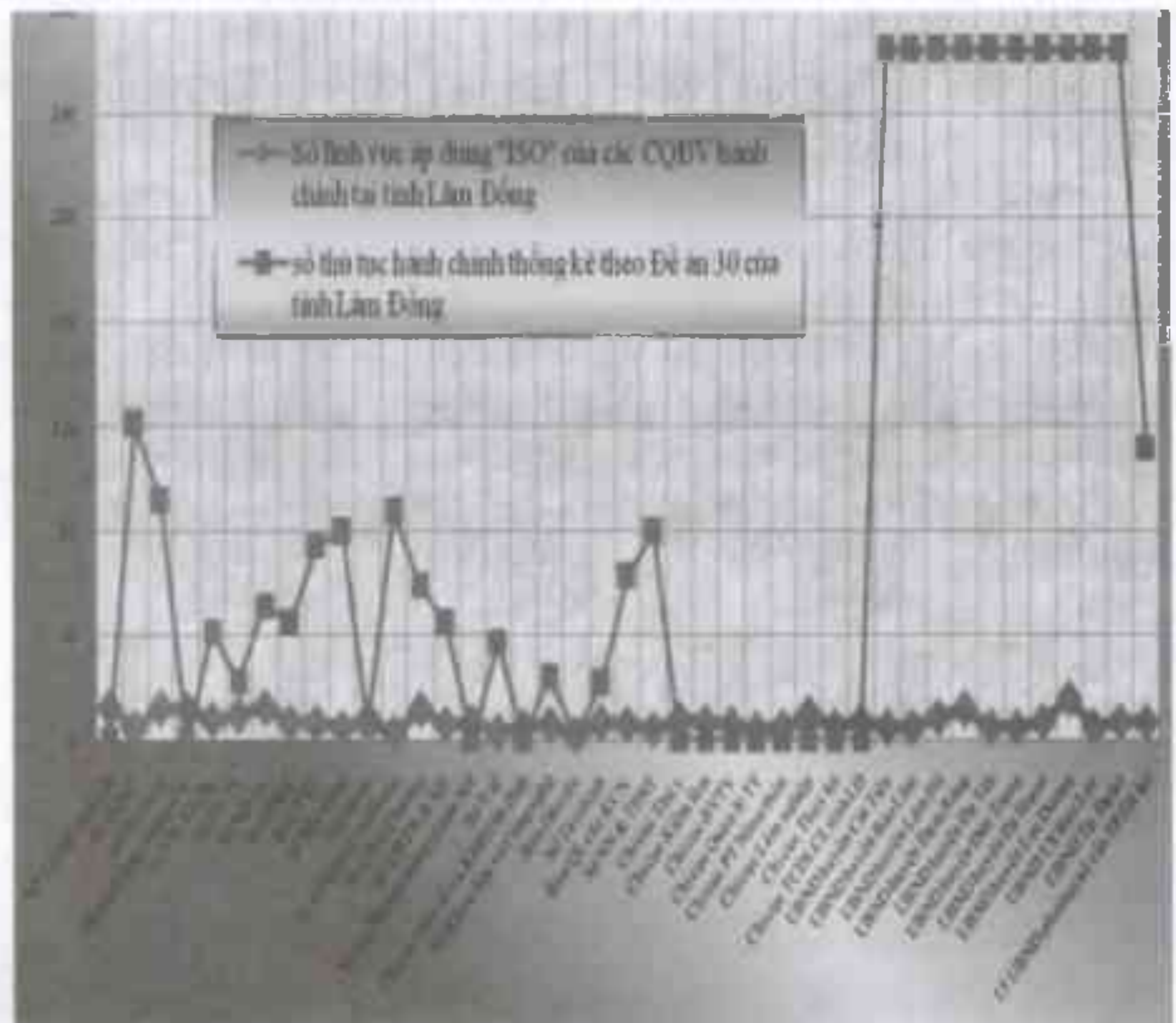
Theo kế hoạch tiến độ được xác định trong văn bản số 7179/UBND-VX ngày 10/10/2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng thì đến hết năm 2009, toàn bộ các cơ quan đơn vị quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh sẽ hoàn tất việc áp dụng ISO. Về cơ bản, sau khi áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến này, các cơ quan đơn vị hành chính đã có trong tay một nền tảng quản lý, dựa vào đó tiếp tục mở rộng, phát triển, kết nối, liên thông với các chương trình, đề án, cơ chế và công cụ cải cách hành chính mà Chính phủ nói chung và UBND tỉnh Lâm Đồng nói riêng đang đồng loạt triển khai trong thời gian này.

### Những việc cần làm

Nhằm tiếp tục đảm bảo hiệu quả thiết thực của các cơ quan đơn vị hành chính tỉnh Lâm Đồng sau khi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008, phục vụ chương trình cải cách hành chính nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân, theo chúng tôi tỉnh Lâm Đồng cần triển khai các công việc sau đây:

#### Việc thứ 1: Tham khảo kết quả đầu ra Giai đoạn 1 - Đề án 30

Trước hết, cần tham khảo kết quả đầu ra Giai đoạn 1 - Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010 theo Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Đề án 30) để tiến hành mở rộng phạm vi lĩnh vực áp dụng ISO. Dưới đây là hình vẽ so sánh số lượng lĩnh vực áp dụng ISO của các cơ quan đơn vị hành chính tỉnh Lâm Đồng với số thủ tục hành chính được thống kê theo Đề án 30.



Hình 2: Bảng so sánh số lĩnh vực áp dụng ISO với số thủ tục hành chính theo Đề án 30 của tỉnh Lâm Đồng

(Số liệu được tổng hợp ngày 10/9/2009)

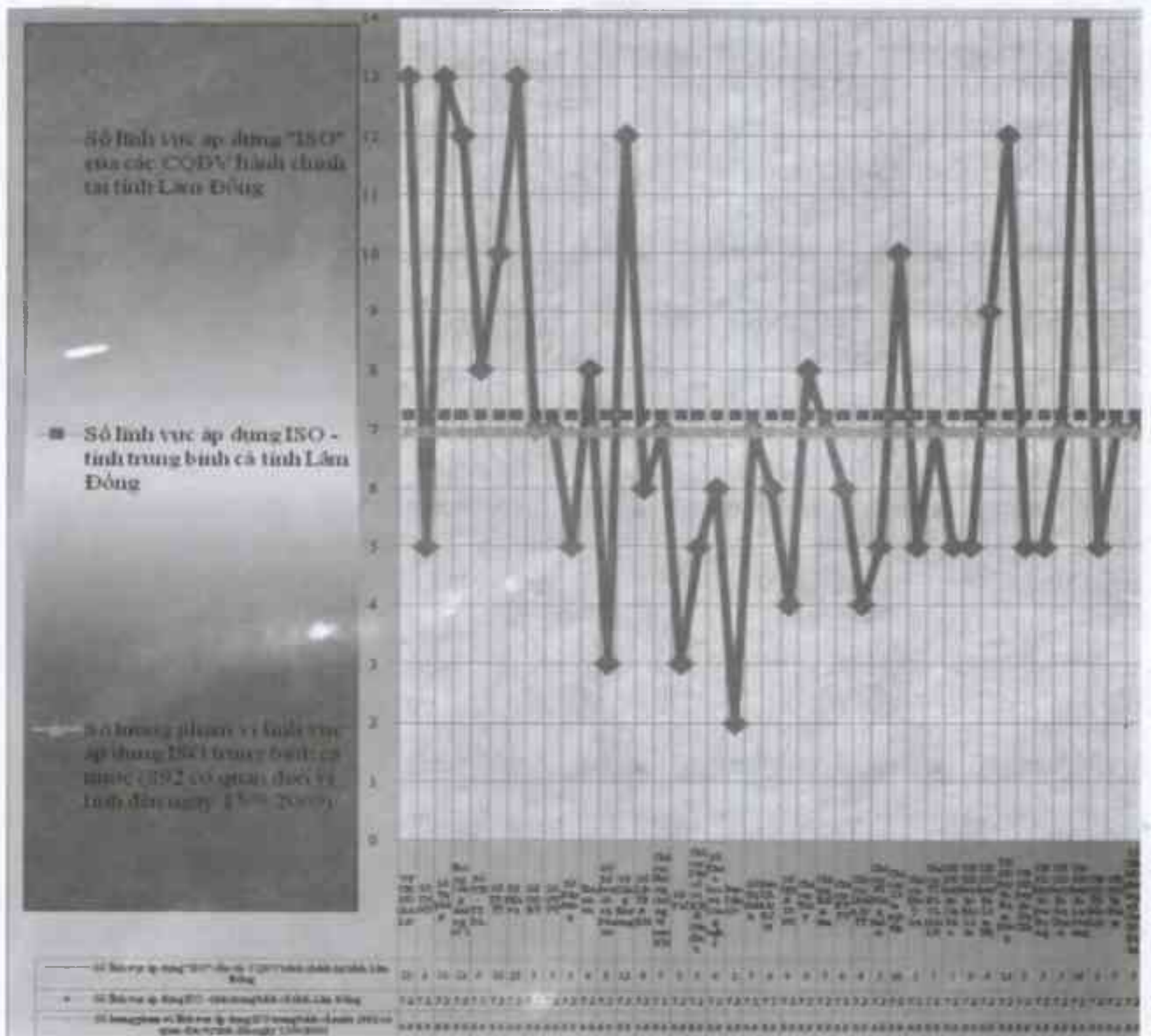


Một số cơ quan đơn vị trong hình vẽ trên có số thủ tục hành chính bằng không là vì đây là những đơn vị trực thuộc; số thủ tục hành chính của các đơn vị này đã được thống kê trong danh mục của cấp chủ quản (cấp trên trực tiếp) của họ.

Kết quả thống kê sơ bộ 40 cơ quan đơn vị hành chính của tỉnh Lâm Đồng cho thấy số lĩnh vực áp dụng ISO trung bình của tỉnh là 7,24, so với số lượng lĩnh vực áp dụng ISO trung bình cả nước là 6,99 tính đến ngày 10/9/2009 trên cơ sở 892 cơ quan đơn vị hành

chính đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp Giấy chứng nhận phù hợp với TCVN ISO 9001:2000 hoặc TCVN ISO 9001:2008.

Trong khi đó, theo số liệu thống kê sơ bộ (Giai đoạn 1 - Đề án 30), hiện nay cả nước có khoảng 6.500 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và người dân; trung bình cấp bộ, ngành, trung ương có khoảng 170 thủ tục hành chính; trung bình cấp địa phương có khoảng 1.500 thủ tục.



Hình 3: Bảng thống kê số lượng phạm vi áp dụng ISO của các cơ quan đơn vị hành chính tỉnh Lâm Đồng so với số phạm vi trung bình cả nước

Kết quả đầu ra Giai đoạn 1 - Đề án 30 đã giúp xác định được các thủ tục hành chính cấp sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, các

cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh, UBND các huyện/thị và UBND xã, phường và thị trấn. Mặc dù trên thực tế, con số trung bình



1.500 thủ tục hành chính của các địa phương chưa hoàn toàn chính xác và đầy đủ; một số thủ tục hành chính chưa có văn bản quy định, mẫu biểu, hướng dẫn thực hiện cụ thể,... Thậm chí có một số thủ tục hành chính bị chồng chéo, qua nhiều cửa, nhiều khâu, nhiều cơ quan ngang dọc,... nhưng chính việc nhận diện và xác định được các thủ tục hành chính này giúp cho chúng ta nhận ra một thực tế rằng các “sản phẩm ISO” mà các cơ quan hành chính đã và đang áp dụng trên phạm vi cả nước nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng hẳn còn quá ít so với các thủ tục hành chính mà công dân (cá nhân/tổ chức) trong và ngoài nước đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam phải thực hiện.

Vì vậy, tỉnh Lâm Đồng cần có kế hoạch lộ trình cụ thể mở rộng áp dụng ISO với toàn bộ mọi hoạt động của các cơ quan đơn vị hành chính trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao. Song song với quá trình mở rộng, cần thực hiện kết nối, liên thông ISO giữa các sở, ngành, huyện/thị, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp và với UBND tỉnh đối với những quy trình công việc có liên quan tới nhiều cơ quan đơn vị hành chính các cấp. Các sở, ngành, huyện/thị, thành phố và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp phải là đầu mối cho việc liên thông ISO cho các cơ quan đơn vị hành chính theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông trên cơ sở lĩnh vực, chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong các quy trình một cửa và một cửa liên thông, tỉnh cần thiết lập quy chế phối hợp về thủ tục hành chính nhằm thống nhất các bước thực hiện, nhưng vẫn đảm bảo vận hành trong hệ thống ISO của từng cơ quan đơn vị hành chính.

***Việc thứ 2: Xây dựng mô hình quản lý tích hợp***

Song song với quá trình mở rộng, kết nối, liên thông ISO nêu trên, tỉnh Lâm Đồng cần chủ trì, phối hợp các đơn vị như Tổ công tác Đề án 30, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Tổ công tác Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Sở Khoa học và Công nghệ

đề cùng phối hợp thiết lập ***mô hình hệ thống quản lý tích hợp*** (ISO, một cửa, một cửa liên thông, công nghệ thông tin và các chương trình cải cách hành chính) nhằm không ngừng nâng cao chỉ số hài lòng của người dân đối với chính quyền tỉnh.

Qua khảo sát từ tháng 7 đến 9 năm 2009 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, 75% trong tổng số 165 phiếu thu cho rằng ISO là một công cụ hỗ trợ đắc lực đối với công tác cải cách hành chính của cơ quan; 79% cho rằng ISO hoàn toàn có thể tích hợp với các cơ chế, chương trình cải cách hành chính của cơ quan. Vì vậy, qua phân tích nêu trên, trong thời gian tới tỉnh Lâm Đồng cần hoạch định và triển khai những công việc sau đây:

- Lập kế hoạch lộ trình 3 năm (2010-2012) kết nối, mở rộng và liên thông các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh, đảm bảo vận hành theo hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008.

- Lập danh mục các lĩnh vực bắt buộc phải áp dụng ISO trong năm 2010-2012, vận hành song song với các cơ chế hoặc chương trình cải cách hành chính cũng như các phần mềm tin học đã, đang và sẽ áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình triển khai kế hoạch lộ trình 3 năm, tỉnh Lâm Đồng thường xuyên kiểm tra, giám sát, tạo môi trường, hành lang pháp lý phù hợp và cần thiết, sao cho ***mô hình quản lý tích hợp ISO - một cửa - một cửa liên thông và ISO điện tử*** này phải thực sự là một công cụ đắc lực và hữu hiệu phục vụ công tác cải cách hành chính của tỉnh. Làm được như vậy sẽ giúp giải quyết các thủ tục hành chính, một “đầu mối” quan hệ, đơn giản, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính để giảm bớt chi phí, rút ngắn thời gian chờ đợi và đi lại của người dân; tạo thuận lợi tối đa cho người dân, đặc biệt là các nhà đầu tư thực hiện dự án, góp phần cải thiện môi trường đầu tư để thu hút đầu tư vào tỉnh, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. ■



## VAI TRÒ CỦA NĂNG SUẤT TRONG PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ

LÊ ĐỨC THỌ

*Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

Vai trò của năng suất thực sự được khẳng định từ sau chiến tranh thế giới lần II, khi nền kinh tế thế giới đi vào khủng hoảng và kiệt quệ do hậu quả của chiến tranh. Các nước châu Âu, Nhật Bản đã định hướng cách thức phục hồi nền kinh tế nhanh nhất là thông qua việc phát triển công nghệ và cải tiến năng suất. Phong trào năng suất cùng với các tổ chức năng suất quốc gia và khu vực đầu tiên được hình thành như phong trào năng suất tại châu Á (bắt đầu bằng sự hình thành Trung tâm năng suất Nhật Bản năm 1955 và tổ chức Năng suất châu Á năm 1961 với sự tham gia của chính phủ các nước châu Á - Thái Bình Dương). Thông qua tổ chức này, một mạng lưới hoạt động được thiết lập với các tổ chức năng suất quốc gia đóng vai trò xúc tiến các hoạt động năng suất tại từng nước. Các chương trình của tổ chức Năng suất châu Á bao trùm các thành phần kinh tế, công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Đặc biệt hướng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, quản lý nguồn nhân lực, phân tích và đánh giá năng suất, quản lý chất lượng, sản xuất và công nghệ, công nghệ thông tin, phát triển các tổ chức năng suất, năng suất xanh,... Nhìn chung phong trào năng suất của các nước tập trung vào việc tăng hiệu quả và năng suất cho doanh nghiệp thông qua cách tiếp cận toàn diện, kết hợp giữa con người, thiết bị và hệ thống quản lý.

Năng suất là yếu tố then chốt cho sự phát triển của một quốc gia và là yếu tố quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp. Tiêu chuẩn cuộc sống hiện nay được xác định bởi năng suất nền kinh tế, nó được đo bằng giá trị hàng hóa và dịch vụ được sản xuất từ một đơn vị nguồn lực đầu vào (con người, vốn, nguyên

vật liệu). Năng suất đồng nghĩa với khả năng cạnh tranh. Năng suất được coi là một khái niệm toàn diện bao gồm 2 khía cạnh: đầu vào (việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực) và đầu ra (việc đạt được các mục tiêu). Như vậy, năng suất nhấn mạnh vào các yếu cơ bản sau:

- **Yếu tố đầu ra:** trong bối cảnh cạnh tranh ngày nay, doanh nghiệp phải coi trọng tính hiệu lực của sản phẩm và dịch vụ. Sản phẩm và dịch vụ phải được thiết kế, sản xuất nhằm thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng về độ tin cậy, độ bền, giá cả và khả năng giao hàng. Ngoài việc đáp ứng các yêu cầu của khách hàng, sản phẩm và dịch vụ phải đóng góp vào mục tiêu kinh tế - xã hội như sức khỏe, giáo dục, giảm thiểu ô nhiễm và các tác động không mong muốn, điều kiện làm việc an toàn, lành mạnh.

- **Giảm lãng phí:** giảm lãng phí trong mọi hình thức là trọng tâm của cải tiến năng suất. Để nhận biết được các lãng phí đòi hỏi phải xem xét tất cả các yếu tố trong một doanh nghiệp. Mọi hoạt động, nguyên vật liệu, không gian, máy móc thiết bị, nhân lực,... không được sử dụng đến hoặc không tạo ra giá trị gia tăng đều được gọi là lãng phí.

- **Tạo ra giá trị gia tăng:** năng suất nhấn mạnh vào định hướng thị trường và kết quả đầu ra nên trong khái niệm năng suất cần xem xét đến giá trị gia tăng, vì đây là giá trị được quyết định bởi khách hàng và cộng đồng. Giá trị gia tăng là lượng của cái do doanh nghiệp tạo ra, nó phản ánh việc sử dụng hiệu quả tài sản của doanh nghiệp, đặc biệt là kiến thức và kỹ năng của người lao động trong quá trình biến nguyên liệu thô thành sản phẩm.

Tại Việt Nam, vai trò của năng suất được



nhìn nhận và xác định khi chúng ta tham gia vào tổ chức Năng suất châu Á năm 1996. Trước đây, khái niệm năng suất ở Việt Nam được hiểu là năng suất lao động và mọi nỗ lực cải tiến chỉ tập trung vào tăng năng suất lao động, tức là tăng khả năng sản xuất của các phân xưởng, nhà máy. Với cách nhìn như vậy, năng suất chỉ phản ánh được khía cạnh hiệu quả sử dụng nguồn lực mà chưa tính đến hiệu lực của đầu ra. Việc theo đuổi mục tiêu cải tiến năng suất, đôi khi sử dụng các phương pháp cắt giảm chi phí như tăng cường độ lao động, giảm số lượng lao động và chạy theo sản lượng mà quên đi yếu tố chất lượng.

Một số kết quả đạt được qua phong trào năng suất ở nước ta (bắt đầu từ năm 1996):

- Các doanh nghiệp đã ý thức được tầm quan trọng của việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ đáp ứng yêu cầu khách hàng, tăng cường khả năng cạnh tranh thông qua việc không ngừng cải tiến năng suất chất lượng và hiệu quả quản lý.

- Các tổ chức, cơ quan hành chính nhà nước đã tham gia hỗ trợ tích cực thúc đẩy phong trào bằng việc tiếp thu và phổ biến những phương pháp quản lý mới, ứng dụng các công cụ quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng hàng hóa và dịch vụ, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì phong trào năng suất tại Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Phong trào này vẫn phát triển theo hướng tự phát, tiến độ chậm, không đáp ứng được đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đang diễn ra với tốc độ ngày càng cao. Chính vì vậy, nếu hoạt động năng suất được tạo dựng và chỉ đạo thường xuyên, đặc biệt là từ tầm vĩ mô với các chiến lược và chương trình cấp quốc gia phù hợp thì mới có thể đạt được những bước đột phá, tăng cường khả năng cạnh tranh và hội nhập của nền kinh tế.

Mặc dù tỉnh Lâm Đồng chưa có một chương trình năng suất riêng cho địa phương, nhưng trong những năm qua, Sở Khoa học và Công

nghệ đã tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006-2010. Mục tiêu chủ yếu của chương trình nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường sức cạnh tranh, chủ động hội nhập thông qua:

- Nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo, các nhà quản lý và doanh nghiệp về hội nhập kinh tế, các vấn đề rào cản kỹ thuật và quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại (Hiệp định TBT và Hiệp định TRIPS).

- Đẩy nhanh việc áp dụng tiên bộ khoa học công nghệ (chú trọng công nghệ sinh học và công nghệ thông tin), áp dụng phương thức quản lý chất lượng tiên tiến, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, phát triển thương hiệu.

- Phát triển các dịch vụ hỗ trợ sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, bước đầu đảm bảo về thông tin khoa học và công nghệ, thông tin tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hiệu chuẩn đo lường thiết bị đạt tiêu chuẩn quốc tế; dịch vụ thông tin TBT và TRIPS; xây dựng và phát triển thương hiệu, quảng bá sản phẩm.

Để thực hiện chương trình này, Sở Khoa học và Công nghệ đã tích cực và chủ động trong việc tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, hướng dẫn và hỗ trợ 17 dự án triển khai áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào doanh nghiệp như ISO 9000, ISO 22000, GMP, HACCP, VietGAP,... Hiện nay, toàn tỉnh có 46 cơ quan hành chính triển khai áp dụng ISO 9000, trong đó có 28 đơn vị đã được cấp giấy chứng nhận. Ngoài ra, chương trình còn hỗ trợ cho các doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu, đầu tư đổi mới công nghệ,...

Trong thời gian tới, để năng suất thực sự phát huy được vai trò và hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp với các sở, ngành tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt một chương trình năng suất cụ thể của tỉnh giai đoạn từ 2010-2020. ■



## NUÔI CÁ TÂM Ở LÂM ĐỒNG

KS. NGUYỄN VIẾT THÙY

Trạm nghiên cứu cá nước lạnh Tây Nguyên

Từ tháng 9 năm 2006, chương trình nuôi thử nghiệm cá nước lạnh tỉnh đã chính thức ghi tên cá tâm là một đối tượng thủy sản được đưa vào nuôi thử nghiệm và phát triển tại Lâm Đồng. Qua hơn ba năm triển khai các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất cho thấy cá tâm là đối tượng có thể thích nghi và phát triển tốt tại một số địa phương trong tỉnh Lâm Đồng, mở ra triển vọng mới cho phát triển kinh tế nông nghiệp nói chung và thủy sản nói riêng trên địa bàn tỉnh.

### Cá tâm - một đối tượng nuôi nhiều triển vọng ở Lâm Đồng

Cá tâm có 2 họ là họ Cá tâm (*Acipenseridae*) và họ Cá tâm thìa (*Polyodontidae*), trong đó có 6 chi và 30 loài khác nhau (cần lưu ý rằng từ cá tâm Nga mà một số người hiện nay đang dùng để chỉ tất cả cá tâm đang nuôi tại Lâm Đồng là chưa thực sự chính xác, đây chỉ là một loài trong họ Cá tâm). Tuy nhiên, hiện nay chỉ có 4 loài chính là cá tâm Nga (*Acipenser gueldenstaedtii*), cá tâm Siberi (*A. Baerii*), cá tâm Ý (*A. Naccarii*), cá tâm Steliat (*A. Ruthenus*) và 1 con lai giữa loài cá Beluga (*Huso huso*) và cá tâm Steliat (*A. Ruthenus*) được nuôi phổ biến vì chất lượng thương phẩm tốt, năng suất, sản lượng và hiệu quả kinh tế cao. Thịt cá tâm thuộc loại đặc sản, thơm ngon và trứng cá tâm đen là món ăn cao cấp thuộc hạng “cao lương mỹ vị”. Giá cá nguyên con hiện nay từ 200-250 nghìn đồng/kg (giá nhà hàng 400-500 nghìn đồng/kg). Trứng cá tâm đen có giá bán rất cao (2.000-8.000 EU/kg tùy loại), có thể xuất khẩu sang Mỹ và EU, mỗi cá thể thành thực nặng từ 20-30 kg có thể cho 2-6 kg trứng,...

Cá tâm sống trong môi trường nước lạnh, sạch, độ trong > 30 cm và ô xy hòa tan cao, tốt nhất trên 6 mg/lít. Nhiệt độ nước phù hợp cho sự tăng trưởng của cá tâm từ 18-27°C. Cá tâm có thể sống được khi nhiệt độ cao hơn, nhưng khả năng tăng trưởng kém, nếu nhiệt độ cao kéo dài có thể gây chết hoặc phát triển dịch bệnh. Có thể nói nhiệt độ là yếu tố môi trường quan trọng mang tính quyết định đến bố trí thủy vực nuôi trồng. Cá tâm là đối tượng dễ nuôi, có thể nuôi theo các hình thức như nuôi ao nước chảy và trong lồng hồ chứa, nuôi công nghiệp (nước chảy tuần hoàn).

Lâm Đồng là tỉnh có tiềm năng lớn cho phát triển nghề nuôi cá tâm do có điều kiện khí hậu mát mẻ, thủy văn phù hợp; nhiệt độ dao động từ 15,7-23°C, trung bình 19°C; lượng mưa khá lớn, trung bình 1.654 mm/năm; độ ẩm cao 86%. Diện tích nuôi khá lớn, đặc biệt là ưu thế nuôi cá lồng trong các hồ chứa, cá tâm có thể bố trí nuôi trên địa bàn từ thị xã Bảo Lộc, huyện Bảo Lâm trở lên (Theo số liệu thống kê năm 2005, diện tích hồ chứa > 5 ha trên địa bàn tỉnh đã hơn 15.000 ha). Với kết quả nuôi thử nghiệm cá tâm cho thấy 1 lồng diện tích 140 m<sup>2</sup> có thể nuôi được 800 con, trọng lượng sau 2 năm đạt bình quân 4 kg sẽ cho sản lượng khoảng 2,5-3 tấn, doanh thu đạt 600 triệu (theo giá bán hiện nay), thì việc tận dụng các hồ chứa để nuôi cá tâm sẽ cho sản lượng và giá trị kinh tế rất lớn, chưa kể diện tích nuôi cá trong các ao hồ nhỏ.

### Phát triển cá tâm - những vấn đề cần được giải quyết

Tỉnh Lâm Đồng đã đưa chương trình phát



triển nuôi cá nước lạnh vào Nghị quyết số 57/2006/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII kỳ họp thứ 8, UBND tỉnh cũng đã có nhiều chỉ đạo về phát triển cá nước lạnh trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đã đăng ký đầu tư nuôi các đối tượng cá nước lạnh trên địa bàn tỉnh, trong đó có cá tầm. Tuy nhiên, để nghề nuôi cá tầm phát triển có hiệu quả và bền vững (hiệu quả về kinh tế và bền vững về môi trường sinh thái), cần giải quyết những vấn đề sau:

- Hiện tại nguồn con giống và thức ăn phải nhập ngoại nên giá thành cao và không ổn định. Do đó, cần tập trung công tác nghiên cứu thức ăn và cho sinh sản nhân tạo cá tầm để giải quyết nguồn con giống tại chỗ chủ động, hạ giá thành sản xuất. Có như vậy mới khuyến khích phát triển được nghề nuôi, nhất là phát triển theo quy mô hộ gia đình hoặc trang trại.

- Xác định vùng quy hoạch cá nước lạnh nhằm đưa ra định hướng phát triển và tạo thuận lợi cho công tác quản lý nghề nuôi trên

địa bàn, tránh phát triển tràn lan ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất và môi trường sinh thái.

- Cần có quy định về sử dụng mặt nước lớn (thủy lợi, thủy điện,...) cho nuôi trồng thủy sản trên các hồ chứa. Hiện nay diện tích hồ chứa trên địa bàn rất lớn nhưng việc triển khai nuôi cá còn gặp khó khăn, nhiều chủ thể quản lý hồ chứa quan tâm đến lĩnh vực này.

- Xây dựng chương trình xúc tiến quảng bá cá tầm là sản phẩm đặc hữu của tỉnh nhằm mở rộng thị trường, hình thành những kênh chế biến và tiêu thụ sản phẩm, kể cả xuất khẩu.

- Có chương trình đào tạo cán bộ kỹ thuật giỏi, từ đó đẩy mạnh các hoạt động khuyến ngư, giúp cho các đơn vị, cá nhân nắm bắt đầy đủ kỹ thuật nuôi trồng đối tượng này.

- Thành lập hội nuôi cá nước lạnh để chia sẻ thông tin về kỹ thuật, thị trường, thống nhất đầu vào, đầu ra của các sản phẩm,... tạo sự ổn định cần thiết làm tiền đề cho sự phát triển. ■

## NÂNG CAO UY TÍN THƯƠNG HIỆU BẰNG CHẤT LƯỢNG

(Tiếp theo trang 18)

Trong những năm qua, công ty đã tích cực xây dựng và quảng bá hình ảnh của mình trên nền tảng của chất lượng.

Những nỗ lực khẳng định thương hiệu và phục vụ nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng cũng đã mang lại nhiều danh hiệu quý giá cho công ty. Đến nay, sản phẩm Vang Đà Lạt đã được người tiêu dùng bình chọn là *Hàng Việt Nam chất lượng cao* 9 năm liền (2001-2009); đạt *"Thương hiệu mạnh Việt Nam"* do Thời báo Kinh tế Việt Nam chứng nhận (2007); *"Nhân hiệu nổi tiếng"* do Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp (2007), *"Thương hiệu nổi tiếng"* do VCCI, AC Nielsen cấp (2008); *"Cúp kỷ lục thương hiệu vang Việt Nam nổi tiếng nhất"* của Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam (2004).

Công ty liên tục đạt giải thưởng *Sao vàng Đất Việt* (2003-2008) và *Giải thưởng Chất lượng Việt Nam* (2005-2008), được

mạng Doanh nghiệp Việt Nam chứng nhận là *"Doanh nghiệp uy tín - chất lượng"*. Với những thành quả đó, công ty đã vinh dự được nhà nước trao tặng *Huân chương Lao động hạng Ba năm 2002*, *Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới năm 2005*, *Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2007*.

Thương hiệu tốt sẽ mang lại giá trị gia tăng rất lớn cho sản phẩm, dịch vụ. Thương hiệu là một lời cam kết với khách hàng, với nhân viên và với chính công ty. Tất cả mọi hoạt động của công ty phải hướng vào sự cam kết. Vang Đà Lạt sẽ tiếp tục phấn đấu là thương hiệu rượu vang Việt Nam hàng đầu về uy tín, chất lượng sản phẩm, là một thương hiệu rượu vang dẫn đầu được đông đảo người tiêu dùng trong và ngoài nước mến chuộng, tin dùng. Đây chính là niềm vui, niềm tự hào của tập thể cán bộ, công nhân viên công ty và là con đường để công ty phát triển bền vững trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. ■



## NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH TỪ NHỮNG CHUYỆN NHỎ

**PHẠM PHAN HẠNH DUNG**

*Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng*

**G**ióng như các sản phẩm hàng hóa khác, dịch vụ cũng đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng phục vụ bởi vì chất lượng chính là “vũ khí” tạo nên lợi thế cạnh tranh. Ngày nay, trong môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh gay gắt, các doanh nghiệp thường nỗ lực xây dựng lợi thế cạnh tranh cho mình bằng một trong ba chiến lược cơ bản, đó là: cạnh tranh chi phí thấp, cạnh tranh bằng sự khác biệt hoặc cạnh tranh bằng việc tập trung vào khách hàng.

Các đơn vị hành chính công được định nghĩa là các cơ quan quản lý chung hay từng mặt công tác, có nhiệm vụ chấp hành pháp luật và chỉ đạo thực hiện chủ trương, kế hoạch của nhà nước. Tuy là các cơ quan hành chính nhà nước nhưng về mặt tổ chức và cơ chế vận hành cũng giống như một doanh nghiệp; cũng có mục tiêu, chiến lược, sứ mạng. Dịch vụ mà các cơ quan hành chính công mang lại có những nét riêng biệt so với các loại hình dịch vụ khác, ngoài những đặc thù chung như là loại sản phẩm vô hình, khó tự động hóa, bộ phận bán hàng là một phần của dịch vụ,... thì dịch vụ hành chính công còn mang tính quyền lực, tính chuyên môn hóa và nghề nghiệp cao, tính hệ thống thứ bậc chặt chẽ, hoạt động không vì lợi nhuận và mang tính nhân đạo. Chính vì những nét riêng biệt này nên hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước nếu so sánh trong môi trường doanh nghiệp thì bản chất giống như các doanh nghiệp *độc quyền*. Thật thú vị khi làm phép so sánh này để có thể thấy rằng việc nâng cao chất lượng các dịch vụ trên là một vấn đề cần phải quan tâm.

Vấn đề nâng cao chất lượng phục vụ của các đơn vị hành chính công không phải là chuyện mới mà đã được các cấp, các ngành quan tâm từ nhiều năm nay. Đó chính là việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO trong giải quyết các thủ tục hành chính, áp dụng cơ chế “một cửa” hay việc xây dựng những nội quy, quy chế trong cơ quan, đơn vị. Trong những năm qua, những nỗ lực trong việc cải cách hành chính, trong đó có nâng cao chất lượng phục vụ vẫn chưa đem lại hiệu quả cao. Về nguyên tắc, khi môi trường hoạt động có yếu tố cạnh tranh càng cao, càng quyết liệt thì quá trình cải thiện nâng cao chất lượng sản phẩm hay dịch vụ diễn ra càng hiệu quả, nhanh chóng và liên tục.

Bài viết chỉ đề cập đến một khía cạnh của vấn đề nâng cao chất lượng phục vụ trong các cơ quan hiện nay.

Dịch vụ là một loại sản phẩm khó đo lường chất lượng, mức độ đánh giá chất lượng phụ thuộc vào cảm nhận của từng cá nhân thụ hưởng dịch vụ đó hoặc mức độ mong đợi so với thực tế. Với mỗi loại hình dịch vụ thì tiêu chí đánh giá có thể khác nhau, ví dụ đối với nhà hàng phải sạch sẽ, thức ăn ngon, phục vụ tốt; ngân hàng phải nhanh chóng, chính xác, tận tình; bệnh viện phải vệ sinh, an toàn, chu đáo,... Nhưng tựu chung lại thì dịch vụ nói chung có thể được đánh giá thông qua các thuộc tính như tác phong giao tiếp và phục vụ, tính thấu hiểu khách hàng, độ tin cậy, tính an toàn, độ phản hồi, năng lực phục vụ, khả năng tiếp cận, sự tin nhiệm,... Còn đối với các đơn vị hành chính công thì chất lượng



dịch vụ được đánh giá như thế nào? Đó là khả năng đúng thời hạn, đúng quy định, dân chủ, rõ ràng. Ngoài ra thì sự tận tình, cách phục vụ người dân, tác phong làm việc cũng thể hiện khả năng làm thỏa mãn khách hàng.

Việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn ISO như hiện nay tại các cơ quan hành chính nhà nước chỉ mới tập trung vào vấn đề thời gian, thủ tục giải quyết hồ sơ, tránh các tiêu cực và xây dựng một quy trình công khai trong giải quyết các thủ tục hành chính. Ngoài ra, ở mỗi cơ quan, đơn vị còn xây dựng tiêu chuẩn người cán bộ công chức hoặc các quy chế cơ quan, trong đó có quy định về thời gian làm việc, trang phục, tác phong tiếp dân, về việc uống rượu bia, hút thuốc,... Nhưng vấn đề về nâng cao chất lượng dịch vụ còn thể hiện ở ngay từng chi tiết rất nhỏ mà đôi khi chúng ta chưa đề cập đến.

Có thể kể đến một vài hình ảnh chúng ta vẫn thường gặp, đó là việc các nhân viên trực tiếp tiếp xúc với người dân không hề tỏ ra niềm nở, thân thiện hoặc sẵn sàng phục vụ khách hàng. Họ được xem như là hình ảnh, ấn tượng đầu tiên đại diện cho cơ quan, đơn vị đó. Do đó, hình ảnh này trước tiên phải tạo thiện cảm đối với khách hàng. Trong nhiều trường hợp, khi đến một đơn vị nào đó, người dân vẫn thường phải chờ cho họ nói xong vấn đề đang bàn luận rồi mới quay sang tiếp khách. Tương tự như trường hợp gọi điện thoại, lắm khi vẫn phải nghe đầu dây bên kia đang nói tiếp câu chuyện nào đó trước khi nhận được hai tiếng “*A lô!*” rất cộc lốc, thay vì phải giới thiệu tên “*Phòng/ban hoặc đơn vị... xin nghe!*” để thể hiện phép lịch sự và sự sẵn sàng lắng nghe. Phép lịch sự này chúng ta có thể tìm thấy nếu thử làm một cuộc giao tiếp ở các đơn vị kinh doanh, công ty, ngân hàng hiện nay. Hoặc đáng lẽ ra họ không nên vừa giải quyết thủ tục cho khách hàng vừa nói chuyện với nhau về một vấn đề nào đó trong cuộc sống, gia đình hay về một người vắng mặt. Và tất nhiên là người khách vẫn phải ngồi nghe câu chuyện bất đắc dĩ trong

lúc chờ đợi. Đó là chưa kể đến những nỗi bức dọc, khó chịu của các cuộc làm việc trước đó làm lần sang lần tiếp xúc khách hàng tiếp theo với vẻ mặt, giọng nói không mấy thiện cảm. Vấn đề sử dụng điện thoại di động cũng chưa được thực hiện một cách nghiêm túc tại các cuộc họp, hội nghị, hội thảo.

Trên đây là vài ví dụ nhỏ liên quan đến một khía cạnh của vấn đề về chất lượng dịch vụ để thấy rằng chất lượng dịch vụ thể hiện ngay ở từng chi tiết nhỏ, từng thói quen không tốt mà nếu chúng ta không quan tâm cải tiến thì tự nó sẽ trở thành một sự khập khiễng trong môi trường mà mọi tổ chức kinh doanh đều đang nỗ lực hoàn thiện.

Chính vì tính quyền lực và được xem như là loại sản phẩm độc quyền của các dịch vụ hành chính công nên quá trình cải tiến và nâng cao chất lượng không chịu một lực đẩy của tính cạnh tranh. Do đó, muốn thực hiện thành công vấn đề này đòi hỏi sự nỗ lực từ phía lãnh đạo cho đến từng nhân viên. Tổ chức, đơn vị có thể xây dựng thành những thông lệ đề thống nhất thực hiện.

Như đã trình bày ở trên, dịch vụ rất khó đo lường chất lượng nhưng không đồng nghĩa với việc không thể đo lường được. Nguyên tắc của chất lượng nói chung là “*tập trung vào khách hàng*”. Như vậy sẽ rất hữu ích nếu chúng ta làm một cuộc nghiên cứu như “*Đo lường sự hài lòng của khách hàng đối với các dịch vụ công*” để có cái nhìn rõ hơn về chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính công và có cơ sở hoàn thiện. Đây là một đề tài khá hay và thực tế với phạm vi nghiên cứu rộng, có thể thực hiện từ cấp tỉnh đến huyện, xã. Sẽ là thiếu sót nếu không đề cập đến một nguyên tắc khác cũng không kém quan trọng của chất lượng chính là “*cải tiến liên tục*”. Việc hoàn thiện không thôi chưa đủ mà quá trình này phải được đánh giá và cải tiến không ngừng với mục đích cuối cùng là nâng cao năng lực phục vụ, xây dựng niềm tin và danh tiếng, giảm chi phí và thời gian, tăng trách nhiệm đề hướng tới chất lượng phục vụ hiện đại. ■



## TIÊU CHUẨN ISO 22000 HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM

**PHẠM THỊ NHÂM**

*Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

Tiêu chuẩn ISO 22000:2005 (sau đây gọi là ISO 22000) được tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) ban hành vào tháng 9 năm 2005 nhằm làm cân đối trên phạm vi toàn cầu những quy định cho quản lý an toàn thực phẩm (ATTP) đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm. ISO 22000 là công cụ giúp các tổ chức tìm kiếm một hệ thống quản lý ATTP thống nhất, chặt chẽ và tập trung hơn là đáp ứng các quy định chung về mặt luật pháp.

Đây là một tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý ATTP dựa trên những nguyên tắc của hệ thống phân tích mối nguy, điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) và các nguyên tắc của ISO 9000. Với các yêu cầu có thể kiểm tra được, ISO 22000 kết hợp kế hoạch HACCP với các chương trình tiên quyết (PRPs). Phân tích mối nguy là bước quan trọng cho một hệ thống quản lý ATTP hiệu lực, giúp cho việc tổ chức các kiến thức cần thiết để tạo ra sự kết hợp có hiệu lực của các biện pháp kiểm soát. Tiêu chuẩn quốc tế này đòi hỏi tất cả các mối nguy được cho là có thể xảy ra, kể cả mối nguy gắn liền với chuỗi cung ứng thực phẩm hay đặc thù của các quá trình và cơ sở hạ tầng được sử dụng, cần phải được xác định và đánh giá. Sự phân tích đó cung cấp các phương tiện để xác định và văn bản hóa, đồng thời lý giải tại sao những mối nguy chính ấy cần được kiểm soát đặc biệt còn những mối nguy khác thì không cần. Trong suốt quá trình phân tích mối nguy, tổ chức xác định chiến lược sử dụng để đảm bảo kiểm soát mối nguy bằng việc kết hợp các chương trình tiên quyết vận hành và kế hoạch HACCP.

ISO 22000 là sự kết hợp và bổ sung các yếu tố trọng tâm của ISO 9000 và HACCP, cấu trúc tương tự như ISO 9001 và được dựa trên nền tảng của 7 nguyên tắc HACCP. Đây là một hệ thống tích hợp nhằm giúp các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm sử dụng một cách tối ưu.

Lợi ích từ việc áp dụng ISO 22000 là nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; tạo niềm tin của khách hàng và người tiêu dùng; đáp ứng các yêu cầu của luật định trong quá trình nuôi trồng, chế biến thực phẩm để vượt qua hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

Tiêu chuẩn quốc tế này cho phép tổ chức (nhỏ hay kém phát triển hơn) có thể kết hợp xây dựng các biện pháp kiểm soát với bên ngoài. Nó có thể ứng dụng được cho tất cả các tổ chức, không phân biệt quy mô miễn là nằm trong bất kỳ khâu nào của chuỗi cung ứng thực phẩm và mong muốn thực hiện hệ thống cung cấp đồng đều thực phẩm an toàn. Tổ chức có thể đáp ứng được bất kỳ yêu cầu nào trong tiêu chuẩn này trên cơ sở sử dụng các nguồn lực bên trong và bên ngoài.

ISO 22000 không chỉ là một tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, hơn thế nữa ISO 22000 còn là công cụ kinh doanh, hỗ trợ các tổ chức mở rộng thị trường.

Việc áp dụng ISO 22000 được triển khai qua 9 bước:

**Bước 1:** Tìm hiểu tiêu chuẩn và xác định phạm vi áp dụng.

**Bước 2:** Lập nhóm quản lý an toàn thực phẩm.



**Bước 3:** Đánh giá thực trạng của cơ sở sản xuất thực phẩm so với các yêu cầu của tiêu chuẩn.

**Bước 4:** Huấn luyện, đào tạo theo chương trình thích hợp với từng cấp quản trị cũng như nhân viên.

**Bước 5:** Thiết lập hệ thống tài liệu theo ISO 22000.

**Bước 6:** Triển khai hệ thống quản lý ATTP.

**Bước 7:** Kiểm tra xác nhận hệ thống quản lý ATTP và chuẩn bị cho đánh giá chứng nhận.

**Bước 8:** Đánh giá chứng nhận do các tổ chức độc lập, khách quan tiến hành nhằm khẳng định tính phù hợp của hệ thống quản lý ATTP với các yêu cầu tiêu chuẩn ISO 22000 và cấp giấy chứng nhận.

**Bước 9:** Duy trì hệ thống quản lý ATTP sau khi chứng nhận.

Hiện nay, ISO 22000 được áp dụng trên toàn cầu và các doanh nghiệp Việt Nam cũng đang quan tâm áp dụng. Tại Lâm Đồng hiện có khoảng 10 doanh nghiệp đang áp dụng ISO 22000 trên các lĩnh vực sản xuất nước uống đóng chai, sản xuất trà, rau, quả, nhân điều xuất khẩu như Công ty cổ phần thực phẩm Lâm Đồng, Công ty TNHH Minh Tuấn, Công ty liên doanh Ladotea - Suzuki,...

Để đáp ứng các quy định về vệ sinh ATTP và các yêu cầu của khách hàng, thị trường, đặc biệt là thị trường nước ngoài, việc áp dụng ISO 22000 là cần thiết trong bối cảnh hiện nay. ■

## QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIỐNG CÂY TRỒNG Ở LÂM ĐỒNG

(Tiếp theo trang 23)

hiện sâu bệnh, không có triệu chứng virus, vi khuẩn, thối gốc.

### *b. Cây nuôi cấy mô 1 năm tuổi*

Kích thước chậu: đường kính 10-12 cm, chiều cao 8-10 cm.

Chiều cao cây: 8-10 cm.

Số lá: 7-10 lá.

Số chồi: 1 chồi.

Tình trạng cây xuất vườn: cây khỏe mạnh, ngọn phát triển, rễ không bị tổn thương.

Tình hình sâu bệnh: tỷ lệ lá bị bệnh đốm/cây < 10%, cây không bị rệp và bệnh thối củ.

### *c. Cây nuôi cấy mô 2 năm tuổi*

Kích thước chậu: đường kính 15-20 cm, chiều cao 15 cm.

Chiều cao cây: 15-20 cm.

Số lá: 12-14 lá.

Số chồi: 2-3 chồi.

Tình trạng cây xuất vườn: cây khỏe mạnh, ngọn phát triển, rễ không bị tổn thương.

Tình hình sâu bệnh: tỷ lệ lá bị bệnh đốm/

cây < 15%, cây không bị rệp và bệnh thối củ.

### *d. Cây nuôi cấy mô 3 năm tuổi*

Kích thước chậu: đường kính 30-35 cm, chiều cao 25-30 cm.

Chiều cao cây: 30-35 cm.

Số lá: 20-24 lá.

Số chồi: 4-5 chồi.

Tình trạng cây xuất vườn: cây khỏe mạnh, ngọn phát triển, rễ không bị tổn thương.

Tình hình sâu bệnh: tỷ lệ lá bị bệnh đốm/cây < 20%, không bị rệp và bị bệnh thối củ.

### *e. Cây nuôi cấy mô 4 năm tuổi*

Kích thước chậu: đường kính 50-60 cm, chiều cao 45-50 cm.

Chiều cao cây: 60-70 cm.

Số lá: 25-30 lá.

Số chồi: 6-7 chồi.

Tình trạng cây xuất vườn: cây khỏe mạnh, ngọn phát triển, rễ không bị tổn thương.

Tình hình sâu bệnh: tỷ lệ lá bị bệnh đốm/cây < 25%, không bị rệp và bệnh thối củ. ■



## NÂNG CAO UY TÍN THƯƠNG HIỆU BẰNG CHẤT LƯỢNG

### DIỄN THỊ MỸ DUNG

Công ty cổ phần thực phẩm Lâm Đồng

#### Lịch sử thương hiệu Vang Đà Lạt

Vào cuối thập niên 90, nền kinh tế nước ta sau những năm mở cửa đã có nhiều chuyển biến, đời sống xã hội được nâng lên, người tiêu dùng có khả năng lựa chọn các sản phẩm phù hợp với nhu cầu và thị hiếu, nhất là các sản phẩm thực phẩm, thị trường rượu cũng thay đổi theo quy luật phát triển của xã hội. Bên cạnh tiêu chuẩn về cảm quan thì vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, tinh bổ dưỡng và bao bì đẹp cũng là những yếu tố được người tiêu dùng xem xét khi quyết định lựa chọn mua hàng. Điều này lý giải cho việc thị trường các sản phẩm rượu của Công ty Thực phẩm Lâm Đồng (Ladofood) chủ yếu là rượu chát, rượu mùi pha chế giảm đáng kể trong giai đoạn này.

Chính trong những khó khăn đó, tập thể cán bộ, công nhân viên công ty đã trăn trở, suy nghĩ tìm giải pháp cho các mặt hàng rượu. Sau một thời gian nghiên cứu tìm tòi và dựa trên kinh nghiệm tích lũy qua nhiều năm sản xuất kinh doanh các loại rượu, cuối năm 1998, mẻ rượu vang thử nghiệm đầu tiên của công ty ra đời được đánh giá cao. Công ty đã quyết định đầu tư xây dựng thành nhãn hiệu rượu Vang Việt Nam có tên tuổi. Và những chai rượu mang nhãn hiệu Vang Đà Lạt đã được chào bán đầu tiên trên thị trường vào năm 1999 trong niềm hân hoan và những vất vả nhọc nhằn từ khâu sản xuất đến việc xây dựng thị trường của toàn thể cán bộ nhân viên công ty. Quá trình tạo chỗ đứng trong lòng người tiêu dùng bắt đầu từ lòng quyết tâm đã làm nên thương hiệu cho Vang Đà Lạt.

#### Xây dựng thương hiệu bằng chất lượng

Sản phẩm Vang Đà Lạt ra đời trong hoàn cảnh thị trường không thiếu những sản phẩm rượu vang có tên tuổi như Vang Thăng Long, rượu vang liên doanh hay rượu vang nhập ngoại với chất lượng cao, mẫu mã phong phú. Trước tình hình thị trường đa dạng cùng với khả năng tài chính cho chi phí quảng cáo có hạn, với phương châm "*Chất lượng là nền tảng nâng cao uy tín thương hiệu và phát triển doanh nghiệp*", công ty bắt đầu xây dựng tên tuổi bằng việc nghiên cứu cải tiến chất lượng sản phẩm, kiểu dáng bao bì,... nhằm đưa ra thị trường những sản phẩm đạt chất lượng và an toàn nhất.



Vang Đà Lạt lấy tên theo địa danh Đà Lạt - một địa danh nổi tiếng về du lịch, được đông đảo du khách trong và ngoài nước biết đến, mến chuộng, kết hợp

với từ vang để đặt tên cho thương hiệu. Biểu tượng của thương hiệu là hình ảnh trường Cao đẳng Su phạm Đà Lạt - một di tích kiến trúc quốc gia. Đây là một kiến trúc hiếm thấy ở Việt Nam với dấu ấn mạnh mẽ là một tháp chuông lập bản thạch tượng trưng cho ngòi bút, vươn thẳng lên trời cao trên nền của rừng thông xanh thắm, hương về mặt nước hồ Xuân Hương.

Logo thương hiệu có dạng hình tròn, với hai màu chủ đạo - màu Bordeaux và màu vàng nhạt, bên phải phía dưới có chùm nho, tượng trưng cho nguyên liệu chính làm ra Vang Đà Lạt. Những hình tròn đồng tâm, liên tưởng đến những thùng rượu, chai rượu, bao bọc ngọn tháp vút thẳng lên trời, tượng trưng cho sức vươn lên không ngừng của thương hiệu, với ý ẩn dụ - doanh nghiệp luôn lấy khách hàng làm tâm điểm.



ISO 9001:2000



Công ty đã đầu tư quy hoạch lại mặt bằng, mở rộng nhà xưởng, đảm bảo các yêu cầu về công nghệ và vệ sinh công nghiệp, đồng thời từng bước cải tiến một số quy trình và thiết bị để chuyển sang cơ giới hóa, tự động hóa, nâng dần trình độ công nghệ sản xuất. Ngoài một số thiết bị được nhập trực tiếp từ châu Âu, công ty đã tự nghiên cứu chế tạo ra một số thiết bị, công cụ sản xuất. Công ty cũng chú trọng công tác quản lý kỹ thuật công nghệ, chất lượng sản phẩm. Tất cả các công đoạn sản xuất đều tuân theo quy trình kỹ thuật và chịu sự kiểm tra chặt chẽ về chất lượng. Công ty đã triển khai và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000, từ đó các quy trình thủ tục, hướng dẫn công việc,... được xây dựng và thường xuyên có sự xem xét, điều chỉnh cho phù hợp để quản lý toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh một cách khoa học và hiệu quả.

Bên cạnh đó, công ty thường xuyên nắm bắt thông tin, tổ chức điều tra tìm hiểu nhu cầu của khách hàng thông qua các hội nghị khách hàng, phát phiếu thăm dò ý kiến trong các đợt hội chợ, thiết lập số điện thoại nóng để thu thập và lắng nghe ý kiến khách hàng, tạo mọi cơ hội để tiếp xúc trực tiếp với khách hàng,... Các thông tin của khách hàng đều được ghi nhận lại để tổ chức phân tích, tìm biện pháp khắc phục hoặc phát triển các ý tưởng, triển khai thực hiện nhằm không ngừng thỏa mãn yêu cầu của khách hàng.

Công tác nghiên cứu thiết kế các sản phẩm mới, cải tiến chất lượng sản phẩm luôn là một nhiệm vụ quan trọng. Hàng năm, dựa trên việc tìm hiểu nhu cầu, thị hiếu của khách hàng và xu hướng phát triển của thị trường, công ty xây dựng kế hoạch nghiên cứu thiết kế sản phẩm mới và cải tiến chất lượng sản phẩm.

Cùng với việc không ngừng tạo dựng uy tín và thương hiệu, Vang Đà Lạt còn đặc biệt quan tâm đến việc giữ gìn và bảo vệ tên tuổi của mình. Công ty đã đăng ký bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm Vang Đà Lạt tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam và Nhật Bản.

Công ty xác định trong nền kinh tế thị trường, không có thương hiệu đồng nghĩa với không có thị trường, thị phần; mà đã không có thị trường thì không bán được sản phẩm. Hơn nữa, một thương hiệu không thể xây dựng và phát triển trên sản phẩm không bảo đảm chất lượng. Vì vậy, việc xây dựng và giữ gìn thương hiệu là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của toàn thể cán bộ nhân viên công ty và điều quan trọng là phải xây dựng thương hiệu trên nền tảng chất lượng.

### **Nâng cao uy tín thương hiệu bằng chất lượng**

Năm 1999, khi sản phẩm rượu vang đỏ mang tên “Vang Đà Lạt” góp mặt trên thị trường đã được người tiêu dùng chào đón, công ty đã nỗ lực không ngừng để nghiên cứu cải tiến chất lượng, thiết kế thêm nhiều sản phẩm mới. Nếu ban đầu chỉ có một sản phẩm rượu vang đỏ, đến nay Vang Đà Lạt đã được đa dạng hóa chủng loại với nhiều mẫu mã bao bì sản phẩm, từ các loại vang trung bình đến vang cao cấp, vang cao độ, vang ngọt, vang sủi bọt, vang nhẹ độ,... Các sản phẩm Vang Đà Lạt đã đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng và từng bước mở rộng thị trường. Vang Đà Lạt đã có mặt ở hầu hết các tỉnh, thành trong cả nước và một số nước châu Á như Malaysia, Nhật Bản, Thái Lan, Campuchia,... Có thể nói, Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng là đơn vị đầu tiên nghiên cứu, phát triển sản phẩm rượu vang và xây dựng được thương hiệu “Vang Đà Lạt” nổi tiếng của địa phương và trên cả nước, Vang Đà Lạt cũng là loại vang đầu tiên trong nước được xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. (Sản phẩm Vang Đà Lạt đã vinh dự được chọn làm thức uống phục vụ trong Hội nghị Thượng đỉnh Apec 14<sup>th</sup> (2006), Hội nghị Nguyên thủ các quốc gia Tiểu vùng Sông Mekong ACMECS-3 và CLMV- 4 (2008)).

Để có được thành công đó, công ty phải luôn cố gắng tạo dựng phong cách, hình ảnh, ấn tượng, uy tín riêng cho sản phẩm của mình để đi vào nhận thức của khách hàng, nói cách khác là định vị vào tâm trí của khách hàng.

*(Xem tiếp trang 12)*



## **KINH TẾ TẬP THỂ TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG VÀ HỘI NHẬP**

**ĐINH VĂN LONG**

*Liên minh hợp tác xã tỉnh Lâm Đồng*

**T**rong những năm qua, kinh tế tập thể (bao gồm hợp tác xã (HTX) và tổ hợp tác) của Lâm Đồng đã xuất hiện một số mô hình HTX và tổ hợp tác gắn với việc đáp ứng nhu cầu đời sống, sản xuất, phát triển kinh tế của các tầng lớp dân cư, các giới, các đối tượng khác nhau như HTX thanh niên, HTX của người khuyết tật, HTX của những người sản xuất và kinh doanh rau, hoa, chăn nuôi,... Đã có HTX mà đối tượng xã viên tham gia không chỉ là cá nhân, hộ gia đình mà còn có các cơ sở kinh doanh nhỏ và vừa tham gia. Mô hình này tuy số lượng xã viên bình quân ít hơn so với các HTX thành lập trước đó nhưng mức vốn góp cao hơn (bình quân một HTX có 15-20 xã viên, vốn góp từ 130-150 triệu); có định hướng sản xuất kinh doanh rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tế, khả thi; đội ngũ cán bộ quản lý và điều hành năng động, mạnh dạn, có khả năng xử lý các vấn đề bức xúc đặt ra như dịch vụ phục vụ đầu vào, đầu ra cho sản phẩm, hàng hóa, tìm kiếm thị trường...

Việc chú trọng củng cố các HTX theo Luật Hợp tác xã và các tổ hợp tác theo Nghị định 151/2007/NĐ-CP của Chính phủ về *Tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác* nhằm mở rộng phát triển, kết nạp xã viên, thành viên, tổ viên, huy động vốn của xã viên. Thành viên, tổ viên tạo nên sức mạnh cạnh tranh trong cơ chế thị trường. Một số HTX dịch vụ nông nghiệp như Anh Đào, Xuân Hương, An Phú cùng với các tổ hợp tác mới thành lập như: Tổ hợp tác sản xuất rau, hoa an toàn Đa Thành; Đất Mới (phường 7 - Đà Lạt); Tổ hợp tác sản xuất rau an toàn Xuân Viên (xã Lạc Xuân - Đơn Dương) đã có bước đi thích hợp trong

vận động xã viên đầu tư sản xuất rau, quả theo quy trình kỹ thuật do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, từng bước tạo thương hiệu rau sạch, rau an toàn trên thị trường.

Điểm nổi bật của các đơn vị trên đây là đã quy tụ được một diện tích đất trồng trọt của hộ xã viên, tổ viên để đầu tư sản xuất (Anh Đào 7 ha; Xuân Hương 5 ha; An Phú 20 ha; Tổ hợp tác Đất Mới 14 ha; Tổ hợp tác Đa Thành 10 ha; Tổ hợp tác Xuân Viên 15 ha). Sản xuất theo tiêu chuẩn rau an toàn, sản phẩm được tiêu thụ thông qua hợp đồng kinh tế với các đối tác thương mại như Saigon Co-op, Maximax; các chợ đầu mối trung tâm Sài Gòn, Đồng Nai; khu công nghiệp Đồng Nai; Dung Quất - Quảng Ngãi; các tỉnh miền Tây Nam bộ và có một lượng rau xuất khẩu sang thị trường các nước trong khu vực (Campuchia, Singapore, Đài Loan,...).

Hình thức liên kết bốn nhà trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm từng bước được quan tâm và đầu tư có hiệu quả, trong đó việc triển khai các chương trình ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất rau an toàn để từng bước xây dựng thương hiệu rau, hoa cho Đà Lạt. Mỗi quan hệ này nếu được quan tâm đúng mức sẽ tạo tiền đề cho hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, bền vững hơn. Các hình thức và nội dung liên kết, hợp tác cần đa dạng, linh hoạt hơn như ứng trước vật tư, nguyên liệu cho sản xuất, cung cấp giống cây trồng, vật nuôi, ứng dụng khoa học - kỹ thuật - công nghệ mới vào sản xuất - thu hoạch - chế biến - bảo quản - tiêu thụ sản phẩm; tạo vùng nguyên liệu tập trung để bảo đảm hàng hóa



cung cấp cho các nhà máy, cơ sở chế biến của HTX, doanh nghiệp; xử lý môi trường,...

Với lợi thế gắn liền địa bàn dân cư và dựa vào cộng đồng, các HTX và tổ hợp tác tập hợp một lực lượng đông đảo xã viên và người lao động trong các tầng lớp dân cư; trong các giới, các đối tượng là hộ kinh tế tập thể; tiểu chủ; cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ và vừa. Đây chính là chỗ dựa, là con đường phát triển, là khu vực kinh tế - xã hội rộng lớn để họ phát huy khả năng, nội lực của mình. Chính HTX, tổ hợp tác còn là kênh huy động các nguồn lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển ngành nghề, đồng thời đóng góp phần không nhỏ vào việc hỗ trợ thành viên; xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội (trường mầm non, nhà văn hóa), tham gia xóa đói giảm nghèo, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương. Nhiều HTX còn bỏ vốn đầu tư trang bị máy vi tính ngoài việc phục vụ công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh còn mở lớp hướng dẫn con em nông dân sử dụng.

Tuy vậy, kinh tế tập thể cũng còn nhiều khó khăn cần được quan tâm khắc phục, nhất là về vốn và cơ sở vật chất. Bình quân có hơn 80% HTX có nhu cầu vay vốn nhưng chỉ từ 2 đến 3% số HTX được tiếp cận với các nguồn vốn vay. Trên 35% HTX chưa có trụ sở làm việc (phái thuê, mượn nhà của xã viên). Việc thu hút số hộ nông dân tham gia vào HTX còn thấp do hiệu quả chưa tương xứng và chưa bền vững. Nguồn nhân lực và trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý HTX còn yếu so với yêu cầu phát triển, chủ yếu được bồi dưỡng qua các khóa tập huấn ngắn ngày. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX chưa thực sự gắn bó với nhau, mối quan hệ liên doanh, liên kết còn ít, chưa đa dạng, quy mô còn nhỏ, hiệu quả không đồng đều. Số HTX yếu kém, ngưng hoạt động còn nhiều.

Để tiếp tục đổi mới phát triển HTX, tổ hợp tác theo chiều sâu, cần tuyên truyền, vận động, hướng dẫn phát triển HTX, tổ hợp tác trong các lĩnh vực ngành, nghề ở những địa bàn có nhu cầu và tạo điều kiện bảo đảm hoạt động có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của hộ

xã viên về sản xuất kinh doanh và đời sống. Đồng thời chú trọng nâng cao hiệu quả xã hội của các hoạt động như tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ thành viên, xã viên góp phần phát triển hạ tầng, nâng cao dân trí, phát huy dân chủ, đoàn kết, tăng cường tình làng nghĩa xóm để uy tín và vị thế của kinh tế tập thể ngày càng được khẳng định và nâng cao.

Cần thiết phải thành lập quỹ hỗ trợ, phát triển HTX tại địa phương; xây dựng quy chế, điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ hỗ trợ phát triển HTX nhằm khắc phục tình trạng thiếu vốn hỗ trợ cho kinh tế tập thể với hình thức cho vay lãi suất ưu đãi; bảo toàn và phát triển các nguồn vốn của quỹ. Thực hiện nguyên tắc hợp tác và phát triển cộng đồng giữa HTX và các thành viên, mở rộng sản xuất kinh doanh dịch vụ, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho xã viên. Việc lựa chọn và giao trách nhiệm quản lý điều hành quỹ hỗ trợ phát triển HTX cho Liên minh HTX tỉnh sẽ tạo điều kiện và cơ hội cho đơn vị gắn bó với các HTX, tổ hợp tác; Liên minh được củng cố và phát triển bền vững, thúc đẩy phong trào kinh tế tập thể của tỉnh nhà đi lên.

Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, các sở, ngành là chỗ dựa vững chắc cho kinh tế tập thể phát triển bền vững, ổn định. Sự quan tâm đó thể hiện bằng các định hướng, kế hoạch cụ thể và việc làm thiết thực, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, yếu kém cho HTX, tổ hợp tác. Thực hiện Quyết định 80/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về khuyến khích liên kết "bốn nhà" (nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà nước) một cách quyết liệt hơn nhằm đẩy mạnh sản xuất; tăng sản lượng hàng hóa, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn quy định; xây dựng và khẳng định thương hiệu sản phẩm hàng hóa - thu hoạch - chế biến - vận chuyển và tiêu thụ hàng hóa phát triển bền vững, mang lại lợi ích thiết thực cho từng hộ xã viên và người lao động.

(Xem tiếp trang 30)



## CÔNG NGHỆ CÀN BÁN

### MÁY ĐÓNG GÓI TỰ ĐỘNG

**Mô tả quy trình CN/TB:** Máy được thiết kế dạng đứng, chuyên dùng đóng gói các dạng nguyên liệu: bột mịn, bột hạt, viên, túi nước. Quá trình vận hành của máy bao gồm: tạo mẫu gói, đổ nguyên liệu, định lượng, dán gói, cắt gói, đếm số lượng thành phẩm. Phương pháp định lượng được áp dụng linh hoạt: có thể sử dụng hệ thống trục vít xoắn, bộ mâm cốc đóng thể tích hoặc hệ thống bơm pittong, sản phẩm đóng gói là kiểu gói dán 3 cạnh, 4 cạnh hoặc dán hình chữ T. Công suất đóng gói 25-50 sản phẩm/phút...

**Lĩnh vực áp dụng:**

5043: Các hệ thống điều khiển, điều chỉnh và kiểm tra tự động

5513: Công nghệ chế tạo máy

**Ưu điểm của CN/TB:** - Cơ cấu bàn ép trượt, dễ dịch chỉnh chiều dài túi bao gói. - Các đường dán túi kín kẽ, không bị nhăn. - Hệ thống bơm pittong chiết được đóng ngắt chính xác, không có hiện tượng bị rò rỉ nguyên liệu. - Tránh được hiện tượng nguyên liệu rơi vào hộp số máy in trong quá trình đổ nguyên liệu gây sự cố cho máy in.

**Mức độ phát triển:** Thương mại hóa

**Phương thức chuyển giao:** Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

**Hình thức cung cấp:** Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

**Thời gian và hình thức bảo hành:** 12 tháng kể từ ngày chuyển giao công nghệ

**Đơn vị chào bán:** Công ty TNHH thiết bị Hợp Phát

### MÁY ĐÓNG QUẢ

*(thuộc hệ thống thiết bị đồng bộ sản xuất chè Ô Long xuất khẩu năng suất 2 tấn/ngày)*

**Mô tả quy trình CN/TB:** Khi chè qua máy xào gia nhiệt, nhiệt độ của máy là 180-200°C. Chè sau khi gia nhiệt xong có nhiệt độ khoảng 70-80°C, được cho vào mảnh vải chuyên dùng (vải dù), kích thước mảnh vải 1,2 m x 1,2 m, đưa vào máy đóng quả. Máy đóng quả có nhiệm vụ đóng thành quả, chặt lại như quả bóng. Kết thúc quá trình đóng quả, khối chè chặt, dùng ngón tay ấn vào hơi lõm. Chè từ dạng hình kim chuyển sang dạng hình cầu, chè xoắn chặt, dáng đẹp. Hương thơm tự nhiên, dễ chịu. Làm việc theo mẻ, mỗi mẻ 12 kg, thời gian từ 3-5 phút. Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

**Lĩnh vực áp dụng:**

6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

**Ưu điểm của CN/TB:** Tính năng tương đương thiết bị của Đài Loan, Trung Quốc. Máy chạy êm, độ bền cao. Giá thành bằng 60-70% giá thiết bị của Đài Loan.

**Mức độ phát triển:** Sản xuất thử nghiệm

**Phương thức chuyển giao:** Thỏa thuận với khách hàng

**Hình thức cung cấp:** Bán trực tiếp theo hợp đồng

**Đơn vị chào bán:** Viện Nghiên cứu cơ khí



## QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIỐNG CÂY TRỒNG Ở LÂM ĐỒNG

**TRẦN THỊ KIM DUYÊN**

*Trung tâm nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật nông nghiệp*

*“Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”* hay *“Cổ công không bằng tốt giống”* - những kinh nghiệm được đúc kết từ đời xưa của nhân dân ta đã cho thấy vai trò quan trọng của giống trong sản xuất nông nghiệp.

Hiện nay, những thành tựu khoa học về giống cây trồng hay vật nuôi, công nghệ nhân giống và sản xuất giống đã góp phần làm thay đổi cục diện sản xuất nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu thâm canh tăng năng suất và chất lượng, hạ giá thành sản phẩm,... nâng cao sức cạnh tranh trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế.

Theo *Pháp lệnh giống cây trồng 2004*, nguyên tắc quản lý chất lượng giống cây trồng là *“tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng phải chịu trách nhiệm về chất lượng giống cây trồng do mình sản xuất, kinh doanh thông qua việc công bố tiêu chuẩn chất lượng và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp tiêu chuẩn”*.

Lâm Đồng có điều kiện tự nhiên phù hợp cho sản xuất nhiều giống rau, hoa với thời vụ canh tác quanh năm nên công tác quản lý sản xuất cây giống cũng được chú trọng.

Nhằm đảm bảo chất lượng cây giống tốt, sạch bệnh trước khi xuất vườn, các cơ sở sản xuất và kinh doanh giống cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phải có giấy phép kinh doanh và giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất theo quy định.

- Phải có trình độ đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn về kỹ thuật canh tác giống, bảo vệ thực vật, yêu cầu của vườn ươm giống,...

- Vườn ươm giống phải đảm bảo các tiêu chí:

+ Nguồn nước tưới sạch;

+ Nhà ươm giống phải đạt tiêu chuẩn về chiều cao, độ thông thoáng, lối đi lại chăm sóc, vệ sinh môi trường, an toàn lao động;

+ Giá thể làm bầu đất phải được xử lý sạch, không có mầm bệnh;

+ Sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hợp lý;

+ Xử lý vi xốp ươm cây, khay đựng vi xốp, nền nhà ươm,... đúng quy định; bảo đảm không phải là các yếu tố tích lũy lan truyền nguồn bệnh.

+ Bố trí khoa học các vị trí ủ phân, giá thể, làm bầu đất, nơi xuất cây, kho phân bón, nơi xử lý rác thải,...

- Nguyên liệu sản xuất cây giống phải có xuất xứ, tên giống rõ ràng; đã qua khảo nghiệm để đánh giá mức độ thích nghi với điều kiện tự nhiên, khả năng chống chịu sâu bệnh, năng suất và chất lượng sản phẩm,...

- Phải kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng; kiểm dịch thực vật giống cây trồng theo quy định.



Sản xuất cây giống địa lan



Ngoài những yêu cầu trên, các nhà quản lý nông nghiệp cần đưa ra tiêu chuẩn kỹ thuật cây con xuất vườn để làm cơ sở quản lý, là căn cứ cho các nhà sản xuất xây dựng tiêu chuẩn cây con xuất vườn và chịu trách nhiệm về cây con mà mình sản xuất.

Trong 2 năm 2007-2008, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng lần lượt ban hành một số quyết định, quy định tạm thời tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn đối với một số giống rau, hoa trên địa bàn tỉnh gồm 10 loại rau (cải thảo, cải bắp, cải ngọt, cải thìa, cà chua ghép, bắp xôi, súp lơ, xà lách, su hào, khoai tây) và 6 loại hoa (hoa hồng ghép, cúc, đồng tiền, glayon, hồng môn, địa lan).

Theo đó, yêu cầu chung là cây giống phải được sản xuất ở các cơ sở có đủ điều kiện sản xuất kinh doanh giống cây trồng. Giống có những đặc trưng: đủ tuổi trồng, đủ số lá cần thiết, cây to khỏe, cứng cáp, không dị dạng, không sâu bệnh, ngọn phát triển tốt, rễ phát triển đồng đều.

Tùy chủng loại giống rau, hoa mà có những tiêu chuẩn cụ thể như:

- + Quy cách vi xộp, kích thước bầu ươm.
- + Số ngày gieo ươm.
- + Chiều cao cây.
- + Đường kính thân, số lá thật.
- + Tình trạng cây xuất vườn.
- + Tính đúng giống.

Các tiêu chuẩn chiều cao thân, đường kính thân, số ngày gieo ươm,... có thể dao động theo mùa vụ.

Giống cây trồng là tư liệu sản xuất đặc biệt. Giải quyết tốt khâu giống, chất lượng giống sẽ có tác dụng khai thác tiềm năng cây trồng nâng cao năng suất, chất lượng mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường. Đồng thời góp phần bảo đảm an ninh lương thực, tăng sức cạnh tranh nông sản thực phẩm hàng hóa, thực hiện tốt nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

### Một số tiêu chuẩn giống rau, hoa

#### - Tiêu chuẩn cây giống cải bắp (gieo trên vi xộp)

Quy cách vi xộp: 66 lỗ.

Kích thước bầu: 3-5 cm (đo chiều rộng).

Tính đúng giống: 100% đúng giống.

Số ngày gieo ươm: 20-25 ngày.

Chiều cao cây: 10-15 cm.

Đường kính thân: 1,5-2 mm.

Số lá thật: 4-6 lá.

Tình trạng cây xuất vườn: cây khỏe mạnh, không dị dạng, rễ trắng, ngọn phát triển tốt.

Tình hình sâu bệnh: cây hoàn toàn sạch sâu bệnh, đặc biệt là bệnh sưng rễ (do nấm *Plasmodiophora brassicae.w.*).

#### - Tiêu chuẩn cây giống hoa cúc (cấy trên vi xộp)

Quy cách vi xộp: 84 lỗ.

Kích thước bầu: 3-5 cm (đo chiều rộng).

Tính đúng giống: 100% đúng giống.

Số ngày gieo ươm: 15-20 ngày.

Chiều cao cây: 4-8 cm.

Đường kính thân: 3-4 mm.

Số lá thật: 6-8 lá.

Tình trạng cây xuất vườn: cây khỏe mạnh, không dị hình, ngọn phát triển tốt.

Tình hình sâu bệnh: không nhiễm bệnh *Rhizoctonia*, *Fusarium*, *Uromyces* và virus.

#### - Tiêu chuẩn cây giống địa lan

##### a. Cây nuôi cấy mô 5 tháng tuổi

Kích thước chậu: đường kính 10-12 cm, chiều cao 8-10 cm.

Chiều cao cây: 6-7 cm.

Số lá: 4-6 lá.

Số chồi: 1 chồi.

Tình trạng cây xuất vườn: cây khỏe mạnh, ngọn phát triển, rễ không bị tổn thương.

Tình hình sâu bệnh: cây không có biểu  
(Xem tiếp trang 16)



## KẾT QUẢ BÌNH TUYỂN CÂY BƠ ĐẦU DÒNG TẠI LÂM ĐỒNG

**LÊ QUANG TÚ, BÙI XUÂN HÂN, NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG**  
 Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm Nông lâm nghiệp Lâm Đồng

Điều kiện tự nhiên của tỉnh Lâm Đồng rất thuận lợi cho cây bơ sinh trưởng và phát triển. Song trong thực tế sản xuất hiện nay, giống cây bơ không được chọn lọc nên năng suất và chất lượng kém, giá cả thấp. Hiện nay, nhu cầu tiêu thụ bơ trên thị trường rất cao, nhất là vào các tháng trước và sau tết Nguyên đán. Theo điều tra các đại lý thu mua bơ tại thị xã Bảo Lộc có thể tiêu thụ bình quân từ 8-12 tấn/ngày nhưng thực tế chỉ thu mua được từ 50-300 kg/ngày, không đủ lượng bơ phục vụ nhu cầu tiêu thụ của người dân, hơn nữa giá thu mua lại cao và ổn định từ 15.000-20.000 đồng/kg. Vì vậy, việc tìm ra cây bơ đầu dòng cho năng suất cao, chất lượng ngon và nhân giống để phục vụ sản xuất đại trà là vấn đề rất cần thiết.

Từ năm 2005-2007, Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm Nông lâm nghiệp Lâm Đồng đã tổ chức điều tra, sơ tuyển và chọn lọc các giống bơ đáp ứng được tiêu chí trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Kết quả thu thập từ năm 2005 - 2007 được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1: Điểm điều tra và số cây thu thập sơ tuyển

Điểm điều tra, thu thập	Số cây điều tra	Số cây sơ tuyển	Tỷ lệ (%)
Di Linh	28	23	82.1
Bảo Lộc, Bảo Lâm	10	0	0.0
Đức Trọng, Lâm Hà	5	4	80.0
<b>Tổng</b>	<b>43</b>	<b>27</b>	<b>62.7</b>

Qua các hội thi trái bơ ngon tổ chức tại Di Linh và Lâm Hà đã có 50 mẫu bơ tham dự, trong đó xét chọn 11 mẫu đạt yêu cầu sơ tuyển. Từ kết quả hội thi và khảo sát đánh giá các tiêu chí ngoài thực địa, hội đồng giám khảo đã chọn được trên địa bàn Di Linh 5 cây, Đức Trọng

1 cây và Lâm Hà 3 cây đạt tiêu chuẩn xin công nhận cây bơ đầu dòng.

Các cây bơ được chọn lọc có cây cho trái chín sớm hoặc chín muộn, đây là một đặc tính tốt về giá trị kinh tế do thường bán được giá. Một số cây chọn lọc đã trồng trên 20 năm nhưng năng suất vẫn giữ ở mức ổn định, chất lượng ngon. Ngoài ra, một số cây chọn lọc cho 2 vụ thu hoạch/năm, vào thời điểm thu hoạch trái vụ, nông dân thường bán được giá từ 15.000-23.000 đồng/kg.

Điểm đáng chú ý là những cây chọn lọc có đặc điểm hình thái khác nhau về dạng tán, hình dạng quả, dạng lá, màu sắc lá non,... Đây là yếu tố quyết định cho sự đa dạng về các chủng bơ, có ý nghĩa quan trọng trong công tác chọn, tạo giống bằng phương pháp vô tính hay hữu tính trong những năm tới.

Từ 9 cây bơ đã được tuyển chọn trên, Hội đồng khoa học cấp tỉnh do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đã công nhận 4 cây bơ đầu dòng.

Bảng 2: Đặc điểm quả, năng suất của các cây được công nhận

STT	Ký hiệu cây	Khối lượng 1 quả (g)	Năng suất cây (kg)	Dạng trái	Đặc điểm thịt trái
1	B18-DL	450	180-200	Thuôn dài	Sáp, dẻo, ít xơ
2	B01-DL	550	300-400	Quả lè	Vàng, dẻo, không xơ
3	B13-ĐT	600	180-200	Bầu dục	Vàng, dẻo, không xơ, béo
4	B02-LH	490	200-300	Quả lè	Vàng, dẻo, sáp, không xơ, béo cao



**Đặc điểm chính của 4 cây bơ đầu dòng được công nhận**

**B01-DL:** (cây của ông Ngọc Giao, thôn Đông Lạc, xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh)

- Tình trạng: cây khỏe mạnh, sinh trưởng phát triển tốt.
- Tuổi cây: 20 năm.
- Đặc điểm hình thái: cây cao 15 m, đường kính tán 12 m.



- Năng suất: 300-400 kg, không có sự biến động về năng suất qua các năm. Khi ra hoa dễ đậu trái, phân bố trái chủ yếu ở đầu cành, trọng lượng trái tương đối lớn, có thể đạt từ 500-700 g/trái, trái có hình quả lê.

- Màu sắc trái khi chín: chín tím, cơm vàng, độ béo cao.

**B18-DL:** (cây của ông Lại Văn Hùng, thôn 1, xã Hòa Trung, huyện Di Linh)

- Tình trạng: cây khỏe mạnh.
- Tuổi cây: 12 năm, cây đang ở độ tuổi sinh trưởng phát triển mạnh.
- Đặc điểm hình thái: cây cao 13 m, đường kính tán 10 m.



- Lá dài màu xanh thẫm, không có lông mịn ở mặt dưới lá, chóp lá nhọn, gân lá dạng so le, phiến lá phẳng, lá già có màu xanh đậm. Chiều dài lá: 16-18 cm; chiều rộng lá: 6-8 cm; búp non có màu xanh nhạt.

- Cành phân bố tương đối đồng đều, khoảng cách các cành cấp 1 từ 0,4-0,5 m.

- Ra hoa 2 đợt trong năm, mật độ hoa khá nhiều, cây ra hoa đồng loạt, hoa khi nở có màu trắng hơi vàng.

- Trái có hình dạng thuôn dài, hơi cong phần chóp trái, vỏ trái có màu xanh thẫm, thịt trái màu vàng sẫm, sấp, cấu trúc thịt chắc, độ béo cao, hạt rất nhỏ.

**B13-ĐT:** (cây của bà Trần Thị Hà, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng)

- Tình trạng: cây phát triển xanh tốt.
- Tuổi cây: 12 năm.
- Đặc điểm hình thái: cây cao 12 m; đường kính gốc cây 0,4 m; cành phân bố đều; đường kính tán 10 m.



- Lá to dài, lá non màu xanh lợt, chiều dài lá: 8-10 cm; chiều rộng lá: 18-20 cm.

- Ra hoa sớm, từ tháng 8-9.

- Trái đồng đều, khi chín chuyển màu xanh vàng, cơm vàng, ít xơ, có độ béo cao. Trọng lượng từ 450-600 g/trái.

- Năng suất đạt khoảng 200 kg/vụ/năm.

**B02-LH:** (cây của ông Vương Sĩ Định, xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà)

- Tình trạng: cây sinh trưởng phát triển tốt.
- Tuổi cây: 23 năm.
- Đặc điểm hình thái: cây to, tán phát triển đều, chiều cao cây khoảng 10 m, đường kính



gốc cây 0,5 m, đường kính tán 8 m. Đây là cây có dạng tán tròn, chiều cao phân cành thấp, cây phát triển thành 2 nhánh thân.

- Lá dạng bầu tròn, lá già màu xanh thẫm, lá đọt màu đỏ tía, lá có độ bóng, chiều dài lá: 14-16 cm, chiều rộng lá: 10-12 cm.

- Hoa có màu xanh vàng nhạt, tập tính ra hoa sớm vào tháng 7-9, hoa thường ra 2 đợt trong năm.

- Trái dạng hình quả lê, khi chín chuyển sang màu tím nhạt, vỏ trái dày và dễ bóc, cơm vàng, rất dẻo và có độ béo cao. Hạt trung bình. Trọng lượng 450-500 g/trái, ở thời điểm trái vụ trọng lượng có thể đạt 700 g/trái. Trái thường được phân bố đều trên cây.

- Năng suất: thu hoạch 2 vụ/năm, trái vụ thu từ 100-120 kg, vụ chính thu từ 200-250 kg. ■



## ĐI TÌM TƯ LIỆU VỀ ĐÀ LẠT

- *On and off duty in Annam;*

- *Dalat, an ideal vacation land of Vietnam.*

Tác phẩm *On and off duty in Annam (Những ngày ở Trung Kỳ)* dày 283 trang, do bà Gabrielle M. Vassal sáng tác, William Heinemann xuất bản năm 1910 tại Luân Đôn. Tác giả viết về miền Trung, Nha Trang, thành Diên Khánh vào đầu thế kỷ XX và dành 5 chương viết về chuyến đi của bà lên cao nguyên Lang Biang năm 1905 với nhiều hình ảnh về Nha Trang và Đăng Kia. Bà viết:

*"Vào khoảng giữa trưa, tôi thấy cao nguyên lần đầu tiên. Thật là một sự phát hiện bất ngờ, khác với những gì trước đây tôi đã từng nghĩ! Trên một vùng đất rộng là những ngọn đồi tròn, nhỏ, trơ trụi, mọc đầy cỏ thấp, cùng hình dáng và độ cao, quang cảnh giống như một vùng biển gợn sóng xanh. Ở giữa, những đỉnh núi Lang Biang cao vợi vợi như hòn đảo đá. Đăng Kia nằm ở dưới chân núi Lang Biang, ở phía bên kia cao nguyên. Cao nguyên bình yên và êm dịu quá! Chỉ có thông mọc trong những thung lũng giữa các ngọn đồi.*

*Xa xa, những mái nhà gỗ ở Đà Lạt nằm cách xa nhau trên đỉnh hay lưng chừng đồi lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời."*

*Dalat, an ideal vacation land of Vietnam (Đà Lạt, một vùng đất nghỉ mát lý tưởng của Việt Nam)* là một tập sách hướng dẫn du lịch

(Tiếp theo trang 32)

do Văn phòng của Nha Quốc gia Du lịch biên soạn, Tòa Thị chính Đà Lạt xuất bản.

Đây là một tập sách mỏng chỉ dày 32 trang khổ 10,5 x 26,5 cm, có in bản đồ du lịch Đà Lạt và một số hình ảnh nhưng giới thiệu ngắn gọn, đầy đủ về vị trí, khí hậu, trang phục, hoa, phương tiện giao thông, khách sạn, nhà hàng, thể thao, săn bắn, các điểm và tuyến du lịch, địa chỉ cần thiết, cách đọc vài tiếng Việt,...

Lúc bấy giờ, đèo Chuối trên quốc lộ 20 bị đắp mô, vận chuyển bằng đường bộ rất khó khăn, một số hành khách và du khách lên Đà Lạt phải dùng máy bay. Tư liệu cho biết:

Hãng Hàng không Việt Nam và COSARA (Công ty Tiếp phẩm Sài Gòn) đảm nhiệm việc chuyên chở hành khách từ Sài Gòn đến Đà Lạt và ngược lại. Trong tuần trung bình có 2 chuyến bay mỗi ngày, riêng ngày thứ hai có 3 chuyến bay.

Hãng Hàng không Việt Nam tổ chức 3 tuyến du lịch đến:

- Thác Gougah, làng K'Long, nông trại Thanh Bình, thác Prenn và Thảo cầm viên;

- Trung tâm đô thị Đà Lạt, chùa Linh Sơn, Ký nhi viện, Viện Đại học Đà Lạt, đồi Cù, hồ Xuân Hương, hồ Than Thờ, Phòng Triển lãm Thủ công - Mỹ nghệ;

- Thác Cam Ly, lăng Nguyễn Hữu Hào, hồ Suối Vàng. ■



## ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC TẠI LÂM ĐÔNG

**Ths. VƯƠNG CHÍ HÙNG**

*Trung tâm nghiên cứu trồng và chế biến  
cây thuốc Đà Lạt - VIMEDIMEX*

### Đa dạng nguồn gen cây thuốc Việt Nam

Việc bảo tồn nguồn gen cây thuốc được tiến hành dưới hình thức bảo tồn đa dạng sinh học tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn,...

Việt Nam có 28 vườn quốc gia, 48 khu bảo tồn, 11 khu bảo tồn loài/sinh cảnh và 39 khu bảo vệ cảnh quan. Ngoài ra còn có 2 di sản thiên nhiên thế giới, 4 khu dự trữ sinh quyển, 2 khu bảo tồn đất ngập nước (Ramsar) và 4 vườn di sản ASEAN.

Với những đặc điểm về điều kiện tự nhiên và khí hậu đã tạo nên mức độ đa dạng sinh học về khu phân bố, chủng loại tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam. Theo Trung tâm tài nguyên và môi trường (Đại học quốc gia Hà Nội) trong Tập I "*Danh lục các loài thực vật Việt Nam*" (năm 2000) đã thống kê được 368 loài Vi khuẩn lam, 2.200 loài Nấm, 2.176 loài Tảo, 481 loài Rêu, 1 loài Quyết lá thông, 51 loài Thông đất, 2 loài cỏ Tháp bút, 691 loài Dương xỉ và 69 loài Hạt trần; tập II (năm 2003) thống kê được 184 họ, 1.114 chi, và 5.523 loài Thực vật hạt kín. Riêng tài nguyên cây thuốc cũng khá phong phú gồm hơn 3.800 loài thực vật và 406 loài động vật.

Từ 1997, Bộ Y tế hàng năm cấp kinh phí cho "*Dự án Bảo tồn cây thuốc cổ truyền*" trong khuôn khổ "*Chương trình hỗ trợ hoạt động của ngành*". Kết quả của chương trình này đã ghi nhận tại một số địa phương nhiều loài cây thuốc mới cùng với tri thức y học cổ truyền của đồng bào dân tộc.

Số liệu của Viện Dược liệu đến năm 2006 có hơn 3.948 loài gồm:

- Nhóm Tảo biển lớn: 52 loài - 27 chi - 19 họ thuộc 4 ngành.

- Nhóm Nấm: 22 loài - 6 chi - 12 họ.

- Nhóm Rêu: 4 loài - 4 chi - 4 họ.

- Nhóm Thực vật có mạch: (tính từ ngành Lá thông *Psilophyta* đến ngành Ngọc lan *Magnoliophyta*) có 3.870 loài thuộc 1.525 chi, 272 họ của 6 ngành. Trong đó ngành Mộc lan chiếm nhiều nhất với 3.675 loài thuộc 1.434 chi, 231 họ (lớp Mộc lan có 3.094 loài thuộc 1.189 chi của 186 họ và lớp Hành có 581 loài thuộc 245 chi của 45 họ), ngành Dương xỉ có 128 loài cây thuốc, ngành Hạt trần (*Gymnospermae*) có 38 loài, ngành Lá thông (*Psilophyta*): 1 loài - 1 họ, ngành Tảo lục: 27 loài,...

Trong số các loài thực vật làm thuốc nói trên, chỉ có khoảng 350 loài được trồng với mục đích làm thuốc hoặc thuộc các nhóm cây trồng khác, còn đại đa số là cây mọc tự nhiên. Số lượng cây thuốc có giá trị sử dụng cao và có khả năng khai thác trong tự nhiên đã xác định là 206 loài thuộc 79 họ. Đa số các loài thuộc nhóm này nằm trong danh lục 185 loài cây thuốc và vị thuốc thiết yếu của Bộ Y tế cũng như được thị trường dược liệu quan tâm.

Trong số tài nguyên thực vật làm thuốc Việt Nam đã thống kê, có 136 loài thuộc 81 chi của 55 họ là những loài cây thuốc cần được bảo vệ. Đó là những cây thuốc quý về giá trị sử dụng, giá trị nguồn gen do hiếm gặp hoặc đặc hữu; giá trị sử dụng cao nên thường xuyên bị tìm kiếm khai thác; một số loài khác tuy chưa bị khai thác nhưng thuộc nhóm có nguy cơ cao do số lượng cá thể ít. Về tiêu chí xếp



hạng nguy cấp, nhóm cực kỳ nguy cấp (CR) có 18 loài như Sâm vũ diệp, Tam thất hoang, Hoàng liên, Thanh mộc hương,...; nhóm đang bị nguy cấp (EN) có 42 loài như Hoàng liên gai, Hoàng tinh vòng, Bát giác liên,... và nhóm sắp bị nguy cấp (VU) có đến 76 loài.

**Đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc tại Lâm Đồng**

Chương trình điều tra cây thuốc đã xác định nguồn tài nguyên cây thuốc ở một số địa phương như sau:

STT	Địa phương	Quy mô điều tra	Số loài cây thuốc ghi nhận	Số họ thực vật làm thuốc
1	Tỉnh Đắk Lắk	14 xã thuộc 04 huyện	725	156
2	Tỉnh Gia Lai	16 xã thuộc 04 huyện	783	161
3	Tỉnh Kon Tum	39 xã thuộc 09 huyện	853	171
4	Tỉnh Lâm Đồng	14 xã thuộc 03 huyện	756	163
5	Tỉnh Tuyên Quang	14 xã thuộc 02 huyện	682	159
6	Tỉnh Lai Châu	11 xã thuộc 03 huyện	875	175
7	Tỉnh Bắc Kạn	08 xã thuộc 03 huyện	715	171
8	Tỉnh Quảng Nam	52 xã thuộc 06 huyện	832	190
9	Tỉnh Quảng Ngãi	75 xã thuộc 13 huyện	735	188
10	Tỉnh Nghệ An	128 xã thuộc 10 huyện	926	625

Qua bảng cho thấy, khu vực Tây Nguyên, trong đó có Đà Lạt - Lâm Đồng đã được cơ quan đầu ngành nghiên cứu về dược liệu đánh giá là khu vực trọng điểm về cây thuốc, tại đây có mức độ đa dạng sinh học cao và tập trung nhiều cây thuốc với 756 loài và 163 họ.

Lâm Đồng có diện tích tự nhiên toàn tỉnh 976.274 ha, là khu vực miền núi, là phần cuối của cao nguyên miền Trung rộng lớn và cuối của dãy Trường Sơn. Bình sơn Đà Lạt là nơi có độ cao 1.600 m thấp xuống 1.400 m về phía Nam, có các đỉnh núi cao 2.000 m. Giới hạn của nó về các mặt Tây, Bắc và Đông là các dãy núi hình cánh cung cao gần 2.000 m, tạo nên một Đà Lạt có địa hình dạng thung lũng cổ. Đây là bề mặt cổ được bảo tồn tốt nhất trên lãnh thổ Việt Nam. Bề mặt này có cấu tạo bởi đá phiến sét, bột và trầm tích phun trào, đã bị phân cách mạnh, biên độ cao đạt 100m, tạo nên những đồi kéo dài với sườn khá dốc. Dạng bề mặt địa hình đa dạng, phân bố kế tiếp nhau theo quy luật giảm dần theo độ cao từ Đông - Bắc xuống Tây - Nam, tạo nên các đai độ cao khác nhau, có nhiều sườn dốc

đứng, hiểm trở (độ dốc từ 30-40°) và chênh lệch độ cao khá lớn 400-500 m. Bậc cao nhất là cao nguyên Lâm Viên (1.500 m) có các núi cao ở phía Bắc là Langbian (2.167 m) và phía Tây Bắc là Bidoup (2.370 m), đi về phía Tây là cao nguyên Di Linh (972 m), Bảo Lộc (875 m). Chính độ cao và sự đa dạng về địa hình đã tạo cho Lâm Đồng phong phú về khí hậu dẫn đến sự đa dạng sinh học về khu phân bố tự nhiên, tài nguyên các loài động, thực vật và vi sinh vật.

Nguồn tài nguyên cây thuốc tại Lâm Đồng rất đa dạng và phong phú, gồm nhiều loài cây thuốc có giá trị về y học và đặc hữu. Tại Vườn quốc gia Cát Tiên có 310 loài cây thuốc và tại Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà số liệu điều tra ban đầu có hơn 100 loài cây thuốc (Phan Văn Đệ, 2009). Trong đó, có hơn 40 loài cây thuốc đặc hữu và khoảng 20 loài có tên trong sách đỏ như: các loài Lan, Sâm, Ngũ gia bì, Kim ngân hoa, Mạch môn, Bình vôi, Chè dây, Thông đỏ, Đảng sâm, Lan một lá, Du sam, Sơn dương, Ba gạc, Hương lâu, Thổ phục linh, Kim thiết, Sói nhật, Nghệ rề



vàng, Pơ mu, Bách xanh, Đinh tùng, Thông năm lá, Thông lông gà, Hoàng đàn giả, Thông hai lá dẹt, Thạch tùng răng,...

Nhìn chung, công tác điều tra, bảo tồn cây thuốc tại các vườn quốc gia được lồng ghép trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học. Nhưng cây thuốc lại phân bố rải rác, không tập trung và lẫn trong các thực vật khác nên việc nghiên cứu chuyên về dược liệu nói chung và cây thuốc nói riêng cũng gặp khó khăn. Điểm mạnh của các vườn quốc gia là thuận lợi cho việc bảo tồn các loài đặc hữu và hướng bảo tồn *in situ*.

### Chiến lược bảo tồn sự đa dạng nguồn gen cây thuốc tại Lâm Đồng

- *Bảo tồn ex situ (bảo tồn ngoại vi)*: bảo tồn đa dạng sinh học các loài cây thuốc bằng hình thức xây dựng vườn mẫu và sưu tập cây thuốc như: Trung tâm nghiên cứu trồng và chế biến cây thuốc Đà Lạt, Viện sinh học Tây Nguyên, Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm Lâm sinh Lâm Đồng, ... Đây là hình thức bảo tồn được nhiều loài cây thuốc và có thể nghiên cứu phát triển nguồn gen cây thuốc để đưa ra sản xuất thành hàng hóa.

Trong công tác khám chữa bệnh công lập của ngành y tế có hoạt động xây dựng vườn cây thuốc tại các cơ sở trên toàn quốc. Vườn thuốc tại các cơ sở này chủ yếu trồng, lưu giữ các loài trong số 35 loài cây thuốc chữa 7 bệnh thông thường theo quy định của Bộ Y tế. Có thể xem đây là một hoạt động đóng góp cho việc bảo tồn đa dạng nguồn gen cây thuốc tại Việt Nam và Lâm Đồng nói chung. Tại Lâm Đồng, một số cơ sở bảo tồn cây thuốc theo quy định của Bộ Y tế như Bệnh viện Y học cổ truyền Lâm Đồng, Trường Trung học Y tế Lâm Đồng, các trạm y tế, ... một số nơi xây dựng thành các vườn sưu tập cây thuốc với mục đích là phục vụ đào tạo.

Công tác bảo tồn đa dạng nguồn gen cây thuốc tại Trung tâm nghiên cứu trồng và chế biến cây thuốc Đà Lạt (thuộc Công ty cổ phần Y dược phẩm VIMEDIMEX - Bộ Y tế) đã được thực hiện từ những năm 1980 đến nay

và trong chương trình "*Bảo tồn nguồn gen cây thuốc Việt Nam*". Đến nay, Trung tâm đã bảo tồn *ex situ* trên 251 loài cây thuốc, phát triển nguồn gen hơn 20 loài cây thuốc thành hàng hóa; thực hiện công tác tư liệu hóa trên máy tính và hình ảnh của hơn 280 loài cây thuốc; lập phiếu đánh giá chi tiết hàng năm của 34 loài cây thuốc trọng tâm.

- *Bảo tồn on farm*: một trong các hoạt động đóng góp nhiều cho việc bảo tồn đa dạng sinh học nguồn gen cây thuốc tại Việt Nam cũng như tại Lâm Đồng chính là việc hình thành các vùng, làng nghề cây thuốc, ... Tại Lâm Đồng hiện đã hình thành một số vùng trồng dược liệu ở Lâm Hà (Sinh địa, Dương quy, Xuyên khung, ...), Đa Huoai (Nhân trần, Ý dĩ, ...), Lạc Dương (Artisô), các mô hình vườn rừng, trang trại rừng, vườn hộ gia đình hoặc các vùng trồng dược liệu do các công ty thành lập, ... Có thể xem đây là hình thức bảo tồn *on farm* hiệu quả. Tuy nhiên, với hình thức này, số lượng chủng loại cây thuốc được bảo tồn không nhiều.

Bên cạnh đó, việc bảo tồn *on farm* cây thuốc còn được nhà nước và ngành y tế khuyến khích thông qua các phong trào xây dựng vườn thuốc như "*tử thuốc xanh*" gia đình. Trong đó có những loài cây vừa làm cảnh vừa làm thuốc, vừa làm rau ăn vừa làm thuốc, vừa ăn quả vừa làm thuốc, vừa làm hoa cảnh vừa làm thuốc và các loài cây thuốc khác thông thường trong vườn nhà.

- *Bảo tồn in situ (bảo tồn nguyên vị)* là hình thức bảo tồn nguyên vẹn khu phân bố và các chủng loại cây thuốc như các Vườn quốc gia Nam Cát Tiên và Bidoup - Núi Bà hiện nay.

Ngoài các biện pháp bảo tồn như trên, cần tiến hành các chiến lược bảo tồn kèm theo:

- Khoanh vùng và bảo tồn các khu phân bố có nhiều loài cây thuốc quý hiếm, nguy cấp ở các trạng thái rừng khác nhau có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

- Nghiên cứu các đặc điểm sinh lý, sinh thái,



sinh học và kỹ thuật nhân giống các loài cây quý hiếm, nguy cấp có nguy cơ tuyệt chủng.

- Bảo tồn *in situ* các loài cây có khả năng tái sinh tự nhiên tốt, khoanh vùng để có biện pháp tác động tái sinh và phát triển trong hệ thống bảo tồn ở các vườn quốc gia.

- Đối với các loài khó tái sinh tự nhiên và khó bảo tồn *in situ* thì nên đưa vào hệ thống bảo tồn *ex situ* và *on farm*, nghiên cứu phát triển nguồn gen cây thuốc vườn gia đình, cây kiếng, cây cảnh quan,...

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên cây thuốc theo phương thức cộng đồng, xã hội hóa các loài cây thuốc quý hiếm với sự tham gia của chính quyền địa phương theo Nghị định 32/2006/NĐ-CP. Chính quyền nên có chính sách hỗ trợ các cộng đồng, đơn vị tham gia bảo tồn đa dạng tài nguyên cây thuốc tại Lâm Đồng.

- Ngăn chặn khai thác, mua bán các loài cây thuốc nguy cấp, quý hiếm như Bình vôi, Lan kim tuyến, Lan hải, Thạch học, Thông đỏ, Cầu tích, Sa nhân, Thổ phục linh,...

- Tăng cường đào tạo cán bộ làm công tác

bảo tồn tài nguyên cây thuốc, giáo dục và khuyến khích cộng đồng tham gia bảo tồn tài nguyên cây thuốc bằng các hình thức trồng cây kiếng, làm cảnh quan, vườn hoa - vườn thuốc gia đình,...

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Võ Văn Chi. Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam. Nxb Giáo dục, 2007.

Hội nghị tổng kết 20 năm thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển nguồn gen và giống cây thuốc. Bộ KH&CN - Bộ Y tế, 2009.

Nguyễn Tập và cộng sự. Một số kết quả nghiên cứu bảo tồn cây thuốc có nguy cơ bị tuyệt chủng ở Việt Nam - Hội nghị tổng kết 20 năm thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển nguồn gen và giống cây thuốc. Bộ KH&CN - Bộ Y tế. Trang 52- 60, 2009.

Nguyễn Tập. Danh lục Đò cây thuốc Việt Nam 2006. Tạp chí Dược liệu số 3 (II) trang 97-105, 2006.

Viện Dược liệu. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam. Nxb KHKT Hà Nội, 2003.

WHO, JUCN&WWF. Guidelines on the Conservation of Medicinal Plants; The Trustees, Royal Botanic gardens, KEW; 50pp, 1993.

## KINH TẾ TẬP THỂ TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG VÀ HỘI NHẬP

(Xem tiếp trang 20)

Việc định hướng hình thành một liên hiệp HTX sản xuất - tiêu thụ rau, hoa tại địa bàn Đà Lạt và các huyện lân cận được đặt ra với hy vọng sẽ quy tụ được sức mạnh, tay nghề kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất - kinh doanh - chế biến - tiêu thụ rau, hoa; là trợ thủ đắc lực cho các HTX thành viên trong việc liên doanh, liên kết cung cấp vật tư nông nghiệp, chuyển giao công nghệ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đây là một định hướng đúng, cần có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan chức năng để sớm ra đời mô hình này.

Củng cố và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể là một nhiệm vụ thường xuyên của các

cấp, các ngành. Việc rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các HTX cần được thực hiện chính xác nhằm kiên quyết giải thể các HTX tồn tại trên danh nghĩa và hình thức; định hướng hoạt động cho các HTX là dịch vụ phục vụ kinh tế hộ xã viên, chấm dứt tình trạng trông chờ ỷ lại vào sự bao cấp của nhà nước. Phát huy nội lực và dân chủ, mạnh dạn phá bỏ những lề thói cũ, khắc phục khó khăn. Tổ chức lại công tác quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh một cách năng động, sáng tạo và hiệu quả. Các đơn vị kinh tế tập thể hơn lúc nào hết phải tự mình vươn lên, tự khẳng định vị thế của mình trong thương trường và hội nhập. ■



## ĐI TÌM TƯ LIỆU VỀ ĐÀ LẠT

(Tiếp theo)

**NGUYỄN HỮU TRANH**

### NGHỊ ĐỊNH

Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II còn lưu trữ *Địa phương chí tỉnh Tuyên Đức, Địa phương chí tỉnh Lâm Đồng* và nhiều nghị định liên quan đến Đà Lạt trong đó có:

- Nghị định thành lập tỉnh Đồng Nai Thượng và hai trạm hành chính ở Tân Linh (Tánh Linh) và trên cao nguyên Lang Biang ký ngày 1-11-1899, in trong *Bulletin administratif de l'Indochine (Công báo Đông Dương)* năm 1899;

- Nghị định thành lập tỉnh Lang Bian ký ngày 6-1-1916;

- Dụ của Hội đồng Nhiếp chính vua Duy Tân thành lập thị tứ Đà Lạt ký ngày 20-4-1916;

- Nghị định thành lập thị tứ Đà Lạt ký ngày 30-5-1916;

- Nghị định thành lập thị xã Đà Lạt, Sở Nghi dưỡng Lang Bian và Du lịch Nam Trung Kỳ ký ngày 31-10-1920.

### ĐỒ ÁN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Trong nửa đầu thế kỷ XX có nhiều đồ án quy hoạch đô thị Đà Lạt, quan trọng nhất là đồ án của kiến trúc sư Ernest Hébrard và kiến trúc sư Jean Lagisquet.

Thư viện Ban Khoa học và Kỹ thuật Lâm

Đồng còn lưu trữ bản đồ đồ án của kiến trúc sư Ernest Hébrard năm 1923 với ghi chú bằng tiếng Việt. Tác giả dự kiến xây dựng Đà Lạt thành thủ phủ của Liên bang Đông Dương.

Theo bản đồ này, dọc theo suối Cam Ly, Đà Lạt không những chỉ có hồ Than Thở và hồ Xuân Hương như hiện nay mà có một chuỗi hồ; Đà Lạt có hai khu hành chánh: khu hành chánh trung ương và khu hành chánh thị xã Đà Lạt. Khu hành chánh trung ương nằm ở khu vực Học viện Lục quân ngày nay, khu hành chánh thị xã Đà Lạt nằm dọc đường Trần Phú.

Bài báo *L'urbanisme. Dalat, le nouveau plan, dispositions générales (Quy hoạch đô thị. Đà Lạt, đồ án mới, bố trí tổng quát)* đăng trên tạp chí *L'Éveil économique de l'Indochine (Chấn hưng kinh tế Đông Dương)* số 331, xuất bản tại Hà Nội năm 1923, lưu trữ tại Bảo tàng Lâm Đồng cho biết thêm: khu Toàn quyền gồm có 6 tòa nhà dành cho Phủ Toàn quyền và các bộ: kinh tế, công chánh, tài chánh, nông nghiệp, thủy lâm,...

Tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, tôi tìm thấy bản đánh máy *Rapport de présentation (Báo cáo tường trình)* của kiến trúc sư Jean Lagisquet trình bày cụ thể đồ án chính trang và phát triển Đà Lạt nhưng không có bản đồ và hình ảnh đính kèm.

Tạp chí *Indochine (Đông Dương)* số 164-165, xuất bản tại Hà Nội năm 1943 đã đăng bài *Les réalisations d'urbanisme à Dalat (Thực hiện quy hoạch đô thị Đà Lạt)* của A. Berjoan - Thị trưởng Đà Lạt - và J. Lagisquet với 1 bản đồ và 3 ảnh phác họa



Trung tâm Đà Lạt theo đồ án của kiến trúc sư J. Lagisquet



Đà Lạt trong tương lai. Theo đồ án này, khu vực ở góc đường Yersin - Bà Huyện Thanh Quan (Khách sạn Công đoàn Lâm Đồng hiện nay) sẽ được san bằng để xây 6 dãy nhà cao tầng dành cho văn phòng chính phủ trung ương.

**TƯ LIỆU CHỮ HÁN**

Trong tạp chí *Nam Phong* số 9 và 10, xuất bản năm 1918, lưu trữ tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh có một bài viết bằng chữ Hán về Đà Lạt: *Lâm Viên hành trình nhật ký* của ông Đoàn Đình Duyệt. Đây có thể là tư liệu chữ Hán xưa nhất viết về Đà Lạt. Tôi đã nhờ anh Phạm Phú Thành dịch sang chữ Việt.

Năm 1917, ông Đoàn Đình Duyệt - Thượng thư bộ Công - đến cao nguyên Lang Biang để quan sát tình hình, đồng thời trừ liệu xây cất hành cung. Lúc về ông viết bản tường trình dâng lên vua Khải Định.

Theo bài báo này, ông đi xe lừa từ Huế đến Đà Nẵng, rồi dùng thuyền đến Quy Nhơn, Ba Ngòi (Cam Ranh). Từ Ba Ngòi, ông đáp xe lừa đến Phan Rang, Diêm Côn (gần Sông Pha ngày nay). Từ đây ông dùng kiệu và cưỡi ngựa vượt đèo Ngoạn Mục. Đến Eo Gió, xe ô tô chờ ông lên Đà Lạt (Đà Lạt).

Ông mô tả Đà Lạt lúc bấy giờ như sau:

*"Chiều ngày 16, bất kể trời mưa, lên xe kéo ra đi. Nhìn bốn phía thấy núi cao vây bọc, rừng thông rậm rạp, ở giữa có chùng vại ngàn mẫu đều là núi bằng, đồi trọc cao thấp nhấp nhô. Từ các dinh thự, nhà cửa cho đến khách sạn, nhà ở của người dân, thấy đều xây cất trên đồi núi. Dưới chân núi nào cũng có đường cái đan chéo ngang dọc, xe điện có thể*

十四晚十五日天外連雨不便遊覽十六日晚冒雨乘手車而西四望高山雲繞松樹翠中  
開數千畝均地是平崗土阜高氣鬱鬱諸營署房屋及民房客邸各于山阜上起築山下各有大路  
可馳電車橫街如織又有小小平原可容耕稼自平原而望山上樓臺幕布星羅風光如畫  
所建現有貴公使陸路衙檢林衙銀庫衙電報房醫院並軍兵營又有款客樓規模均極宏西  
式林園藝術亦在此高蠻國王已砌一客館夏天有辰往此乘涼又買上一區將欲大營一二樓臺  
備極壯麗此間貴使大臣話敘並已借行指示其地貴使護列大臣又籌增建費全權府貨飲使  
座于此將來必成一大都會茲現相上一處建立行宮這處係一土山山頂平坦廣約十餘畝  
與獨立全權府之山岫相毗連這山上現有蒼松古樹每六七兩尺一株各分行列合如人裁自有  
天機景致而前有一陸路可駛電車通行右邊至背後一帶週溪湖環抱而靜野境此屬多洛處  
界內距多洛二其度度半有美麗泉水從多洛中出周流一如百川到銀鹿處有一巨石直立極  
石下有一巨湖白湖畔上至石頂高度三十四尺石面有二罅處水從罅處湧下如二長虹湖之中  
間突起一阜如牛頭形貴官現建一八角樓樓外各栽花樹遊人到此坐息乘涼樓前四圍紫綉花  
聚隔岸一石擎天雲虹霞浪宛然瀛洲仙景又距十四里處茂乃為林園這處有一花園有雲  
翠園中土地肥腴四長常有香蘭花翠草草豈根肥美稱陸嶺山香園園中草木竹樹花鳥魚蟲  
距林園做五六里處又有香泉園園中泉泉水自地下湧出從一石竅噴上爰注于石罅中

*chạy được. Lại có những cánh đồng bằng bé nhỏ có thể cày cấy. Từ dưới đồng bằng nhìn lên, thấy trên núi lâu đài sắp xếp như quân cờ, la liệt như sao. Cảnh đẹp giống như tranh vẽ."*

**TƯ LIỆU TIẾNG ANH**

Trước năm 1975, tư liệu tiếng Anh viết về Đà Lạt rất hiếm, chủ yếu là tư liệu tiếng Pháp và chữ Việt. Trong các thư viện, tủ sách gia đình, tôi chỉ tìm thấy được 9 tư liệu tiếng Anh, trong đó quan trọng nhất là 2 tư liệu:

*(Xem tiếp trang 26)*

**HỢP THƯ CỘNG TÁC VIÊN**

Trong thời gian qua, Bản tin Thông tin Khoa học Công nghệ Lâm Đồng đã nhận được các tin, bài viết của tác giả: Phạm S, Lê Đình Trọng, Hoàng Thị Sâm, Phạm Phan Hạnh Dung, Vương Chí Hùng, Chu Bá Nam, Nguyễn Quốc Vọng, Trần Đức Lộc...

Ban biên tập chân thành cảm ơn sự cộng tác nhiệt tình của các cộng tác viên. Tin, bài các bạn gửi đến, chúng tôi sẽ xem xét và sắp xếp để sử dụng phù hợp với mục tiêu của Bản tin vào thời gian thích hợp.

Bản tin Thông tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng số 4/2009 tập trung vào chủ đề "Chào mừng Festival hoa Đà Lạt 2010". Rất mong sẽ tiếp tục nhận được nhiều tin, bài cộng tác của các bạn.

Địa chỉ liên hệ:

Phòng Thông tin và Thống kê khoa học công nghệ  
Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng  
35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt  
Điện thoại: 063.3833163 Fax: 063.3824941  
Email: tapsan@dalat.gov.vn



# MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG



Kiểm tra thực tế điểm thí nghiệm phân bón cho chè cành cao sản



Lớp tập huấn hàng rào kỹ thuật  
trong thương mại (TBT) tại Lâm Đồng



Công đoàn cơ sở Sở KH&CN tổ chức  
học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh



Kiểm tra thực tế đề tài Nấm dưới tán rừng thông



# MỘT SỐ HÌNH ẢNH

## ĐOÀN LÂM ĐỒNG THAM GIA HỘI CHỢ CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ VIỆT NAM ASEAN + 3

